

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2011

Mục lục

<u>I.</u>	<u>GIỚI THIỆU CÔNG TY VFC</u>	<u>4</u>
1.	Những cột mốc quan trọng	4
2.	Sản phẩm kinh doanh chính	5
3.	Các thành tích đạt được	6
4.	VFC qua những con số	7
<u>II.</u>	<u>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH</u>	<u>10</u>
1.	Đánh giá môi trường hoạt động	10
2.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11
3.	Tình hình tài chính	14
4.	Những hoạt động chính trong năm	19
5.	Định hướng phát triển	22
<u>III.</u>	<u>CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN</u>	<u>25</u>
1.	Đầu tư vào các công ty có liên quan và công ty con	25
2.	Tóm tắt tình hình hoạt động của công ty do VFC sở hữu 100% vốn	25
1.	Ban điều hành	27
2.	Thay đổi BDH trong năm	28
3.	Lương, thưởng BDH	28
4.	Nguồn nhân lực	28
5.	Chính sách đối với người lao động	29
<u>V.</u>	<u>QUẢN TRỊ CÔNG TY</u>	<u>32</u>
1.	Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	32
2.	Hoạt động của HĐQT	34
3.	Hoạt động của BKS	36
4.	Quản trị rủi ro	39
5.	Thù lao HĐQT và BKS	41

6. Kế hoạch tăng cường hiệu quả quản trị	41
<u>VI. VỐN CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG</u>	<u>42</u>
1. Cổ phần đang lưu hành	42
2. Cơ cấu cổ đông	42
3. Thay đổi sở hữu của CD nội bộ và CD lớn trong năm	44
Không có thay đổi về sở hữu của cổ đông nội bộ và cổ đông lớn trong năm.	44
4. Hoạt động quan hệ cổ đông (IR)	45
<u>VII. HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG</u>	<u>46</u>
1. Kiểm soát dịch hại vì cộng đồng	46
2. Trao học bổng cho sinh viên	46
3. Hỗ trợ đồng bào gặp khó khăn	47
<u>VIII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2011</u>	<u>48</u>

Danh mục viết tắt

VFC	: Tên viết tắt của Công ty khử trùng Việt Nam
VNĐ	: Việt Nam đồng
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	: Hội đồng quản trị
BKS	: Ban kiểm soát
BGD	: Ban giám đốc
BĐH	: Ban điều hành
TGD	: Tổng giám đốc
KQ	: Kết quả
SX KD	: Sản xuất kinh doanh
KH	: Kế hoạch
TH	: Thực hiện
MKT	: Marketing
BHYT	: Bảo hiểm y tế
BHXH	: Bảo hiểm xã hội
BHTN	: Bảo hiểm thất nghiệp
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
BVTV	: Bảo vệ thực vật
IMFO	: Hiệp hội khử trùng quốc tế
AFAS	: Tổ chức cấp giấy chứng nhận chất lượng khử trùng của Úc
TTTM	: Trung tâm thương mại
PCO	: Kiểm soát dịch hại
BVTV	: Bảo vệ thực vật
VFG	: Mã chứng khoán của VFC
VĐL	: Vốn điều lệ
HNX	: Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM
CĐ	: Cổ đông
CP	: Cổ phần
CPQ	: Cổ phiếu quỹ
SH	: Sở hữu
GD	: Giao dịch
TNHH MTV	: Trách nhiệm hữu hạn một thành viên

I. GIỚI THIỆU CÔNG TY VFC

1. Những cột mốc quan trọng

2011

Mở rộng hoạt động nghiên cứu, sản xuất giống cây trồng

Dẫn đầu thị trường trong ngành khử trùng

Hệ thống chi nhánh đã hình thành tại hầu hết các thành phố và cảng lớn ở Việt Nam

2009: VFC niêm yết trên HNX và chính thức giao dịch từ 17/12/2009 với mã VFG

2008: 2 công trình lớn là trụ sở chính – Toàn nhà VFC và Khách sạn Novotel Nha Trang chính thức đi vào hoạt động, đánh dấu bước đi mới bên cạnh hoạt động ngành nghề truyền thống của công ty

2007: Công ty thực hiện sáp nhập với Công ty Cổ phần Đầu tư Hồng Đức và trở thành công ty đại chúng từ ngày 25/06/2007

2006: Nhà nước bán hết phần vốn cổ phần tại công ty. Cơ cấu vốn chỉ bao gồm vốn của CBCNV và cổ đông ngoài.

03/2011: tiếp tục cổ phần hóa bộ phận còn lại, lấy tên là Công ty CP Khử Trùng Giám Định Việt Nam. VDL 12 tỷ.

12/2001, ĐHĐCĐ 2 công ty quyết định sáp nhập Công ty cổ phần Khử trùng Việt Nam vào Công ty cổ phần Khử trùng Giám định Việt Nam để thành lập Công ty Cổ phần Khử trùng Giám định Việt Nam. VDL: 28,6 tỷ trong đó vốn Nhà nước tại doanh nghiệp chiếm 15,3% VDL

1993: VFC trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Ngành nghề kinh doanh chính: khử trùng hàng hóa xuất khẩu và tham gia KD nông được

1999: Cổ phần hóa bộ phận kinh doanh nông được, lấy tên là Công ty CP Khử Trùng Việt Nam.

2. Sản phẩm kinh doanh chính

	Đặc điểm	SP/DV tiêu biểu
Nông dược	Phân phối thuốc trừ sâu, thuốc trừ bệnh, thuốc trừ cỏ... được nhập khẩu từ các công ty sản xuất thuốc bảo vệ thực vật hàng đầu thế giới như Syngenta, Kumiai (Nhật), Makhteshim (Israel), FMC (Mỹ)... Với mạng lưới 15 chi nhánh và hơn 450 đại lý cấp 1 trên toàn quốc, VFC đã hình thành mạng lưới phân phối thuốc bảo vệ thực vật đều trên khắp cả nước nhằm đáp ứng nhu cầu của người nông dân, mang lại hiệu quả cao nhất trên đồng ruộng.	- Thuốc trừ bệnh: Anvil, Champ DP, Ridomil, Vista...  - Thuốc trừ cỏ: Nominee, Ametrex, Dual Gold...  - Thuốc trừ sâu: Karate, Proclaim, Suprathion, Pegasus... 
Giống cây trồng	Độc quyền cung cấp các loại bắp của Syngenta. Khẩu hiệu: “Tốt giống, an tâm”, hạt giống do VFC cung cấp mang lại năng suất cao, trái to, hạt đều, hiệu quả kinh tế nhất.	Bắp NK 66  Bắp NK 6326 
Khử trùng	Là công ty khử trùng đầu tiên ở Việt Nam, với thế mạnh về chất lượng và hơn 30 năm kinh nghiệm hoạt động, VFC luôn giữ được uy tín trên thị trường, xứng đáng vị trí số 1 trong ngành VFC tự hào là đơn vị đầu tiên và	- Nông sản: gạo, cà phê, tiêu, bắp, hạt điều nhân, đậu các loại, sắn/mì lát, bột mì, lúa mì, cám... dạng đóng bao hay hàng xá trong container, lô hàng trong kho hay trong hầm tàu. - Pallet gỗ, bao bì, thùng carton chứa hàng chuyên chở hàng gốm sứ, máy móc thiết bị, phụ tùng.

	duy nhất tại VN áp dụng các phương pháp và dụng cụ công nghệ khử trùng tiên tiến nhất trên thế giới	- Khử trùng container rỗng, container cho các loại hàng mây tre lá, thủ công mỹ nghệ, cấu kiện gỗ. - Khử trùng nguyên liệu sản xuất thức ăn gia súc, thành phẩm hay các dây chuyền chế biến...
PestMaster	Với khẩu hiệu “Chuyên gia diệt côn trùng”, VFC luôn đưa ra những giải pháp kiểm soát côn trùng hợp lý, hiệu quả và an toàn nhất cho khách hàng Là thành viên chính thức của tổ chức kiểm soát dịch hại đa quốc gia NPMA có trụ sở tại Hoa Kỳ	- Kiểm soát môi nhà ở - Kiểm soát môi công trình - Kiểm soát và tiêu diệt chuột - Kiểm soát côn trùng gây hại
Bất động sản	- Tòa nhà VFC nằm ở vị trí trung tâm thành phố (ngã ba Nguyễn Trung Ngạn – Tôn Đức Thắng) với 1 trệt, 1 lửng, 3 hầm, 9 tầng. Diện tích sử dụng 2.500 m2. Trong đó, tầng 9,10 được dùng làm văn phòng VFC, các tầng còn lại cho thuê. Với công suất cho thuê đạt 95%. - Khách sạn Novotel Nha Trang (*) nằm trên đường Trần Phú, hướng ra vịnh Nha Trang và biển. Là một khách sạn tiêu chuẩn 4 sao với 154 phòng được trang thiết bị thanh lịch, hiện đại, sự lựa chọn hàng đầu của du khách khi đến Nha Trang du lịch, nghỉ dưỡng. (*) do tranh chấp với đối tác liên doanh Cty TNHH Hải Yến (KS Novotel Nha trang) nên từ năm 2008 nên doanh thu của khách sạn vẫn chưa được đưa vào doanh thu của VFC	Tòa nhà VFC  Khách sạn Novotel Nha Trang 

3. Các thành tích đạt được

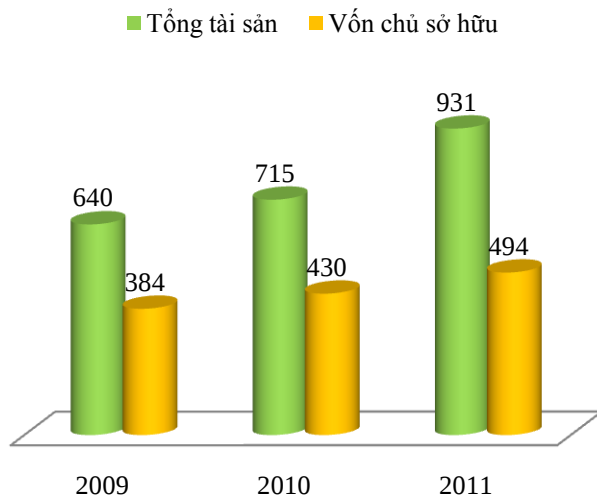
- Năm 1991 : Chủ tịch nước tặng Huân Chương Lao Động Hạng 3 cho Công ty Khử Trùng Việt Nam.
- Năm 1995 : Chủ tịch nước tặng Huân Chương Lao Động Hạng 2 cho Công ty Khử Trùng Việt Nam.

- Năm 2000 : Chủ tịch nước tặng Huân Chương Lao Động Hạng 3 cho Công ty Khử Trùng Việt Nam.
- Công ty còn được Bộ NN &PTNT tặng bằng khen và cờ thi đua về các thành tích : xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức Công Đoàn vững mạnh ; xuất sắc trong phong trào xanh, sạch, đẹp; bảo đảm an toàn vệ sinh lao động.
- 2000 – 2005: Thành Ủy TP.HCM cũng đã trao tặng cho Đảng Ủy Công ty bằng khen , cờ thi đua về thành tích “Đảng Bộ cơ sở trong sạch, vững mạnh tiêu biểu” trong 05 năm liền.
- Năm 2011 VFC lọt vào top 500 công ty tư nhân lớn nhất và đóng thuế thu nhập doanh nghiệp nhiều nhất.

4. VFC qua những con số



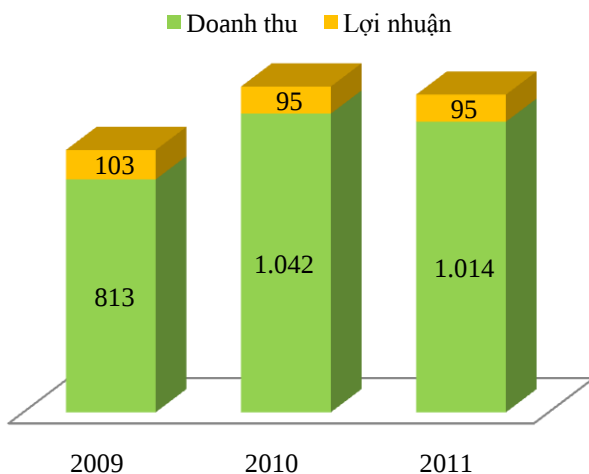
Vốn chủ sở hữu vs Tài sản



Vốn điều lệ của VFC đã tăng gấp 4,5 lần từ 28,6 tỷ đồng lên 126,8 tỷ đồng chỉ trong 5 năm thông qua các đợt phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu và cổ đông chiến lược.

Trong quá trình hoạt động, vốn chủ sở hữu luôn chiếm trên 50% trên tổng tài sản, sẵn sàng đáp ứng cho hoạt động đầu tư mở rộng trong khi vốn vay nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của DN.

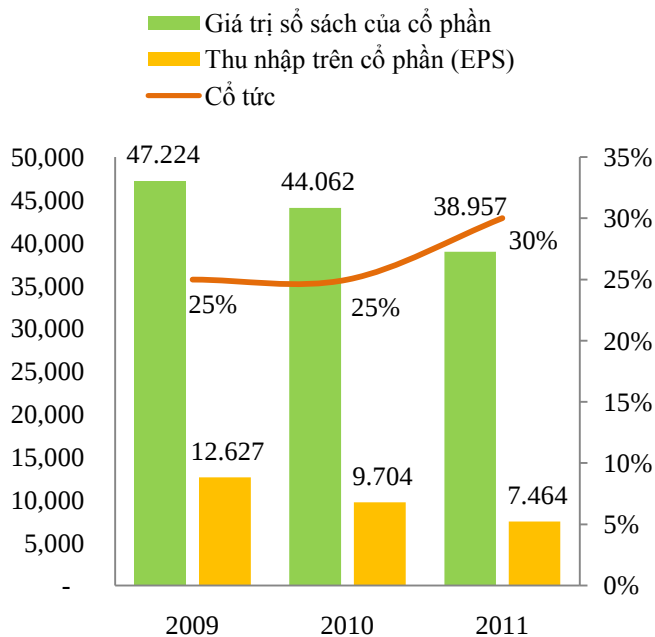
Lợi nhuận vs Doanh thu



Tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận trung bình 30%

Trong đó kinh doanh nông dược chiếm 80% tỷ trọng, tiếp đến là khử trùng 10%, 10% còn lại được đóng góp từ DV kiểm soát dịch hại, giống cây trồng và cho thuê văn phòng.

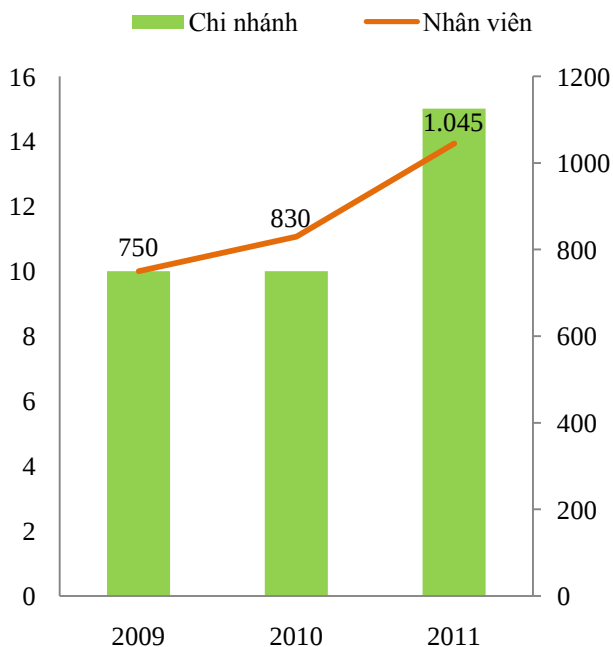
Cổ tức vs Giá cổ phiếu



Giá trung bình cổ phiếu VFG ở mức 60.000 đồng từ khi bắt đầu giao dịch trên HNX (12/2009). Từ đầu tháng 6/2011, giá cổ phiếu VFC giao động ở mức 35.000-40.000 đồng sau khi công ty phát hành thêm 2,9 triệu cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu.

Xét trong bối cảnh chung của thị trường chứng khoán, VFG là một mã căn bản tốt. Hằng năm, công ty thực hiện chi trả cổ tức ổn định, cao hơn lãi suất ngân hàng. Cụ thể: chia cổ tức 30% bằng tiền mặt trong năm 2011.

Số lượng nhân viên vs chi nhánh



Năm 2011, công ty phát triển thêm 5 chi nhánh mới ở Nghệ An, Sơn La, Đồng tháp, Đồng Nai, Sóc Trăng ra đời; đội ngũ nhân viên VFC cũng vượt qua con số 1.000. Số lượng chi nhánh và lực lượng nhân sự tăng nhanh cùng với con số doanh thu, lợi nhuận ấn tượng trong năm, phần nào khẳng định ý chí quyết tâm phát triển nhanh, vững mạnh cùng “Vươn ra biển lớn” của công ty trong thời gian tới.

Ghi chú: Theo nghị quyết HĐQT năm 2011, VFC thay đổi niên độ tài chính từ 01/01 đến 31/12 hằng năm sang 01/10 đến 30/09. Vì vậy số liệu của năm 2011 là năm tài chính chỉ có 9 tháng bắt đầu từ 01/01/2011 đến 30/09/2011

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

1. Đánh giá môi trường hoạt động

1.1 Tình hình kinh tế vĩ mô

Năm 2011 đi qua đầy thách thức, biến động mà hầu như mọi nhân tố trong nền kinh tế đều chịu sự ảnh hưởng của nó.

Trên trường thế giới, Hi Lạp vỡ nợ công, tiếp sau đó là công bố vỡ nợ của một số quốc gia trong liên minh Châu Âu. Tổ chức xếp hạng tín dụng Mỹ S&P liên tục hạ bậc tín nhiệm của Mỹ, một số quốc khác và các tổ chức tài chính lớn.

Trong nước, lạm phát tăng cao trên 2 số, trung bình 18% cả năm. Thâm hụt ngân sách ở mức cao (trên dưới 6% GDP) và thâm hụt thương mại lớn (khoảng 10 tỷ đô) trong khi dấu hiệu kiêu hởi, đầu tư nước ngoài có xu thế giảm tạo sức ép mất giá lên đồng tiền trong nước.

Để ổn định kinh tế vĩ mô mà mục tiêu đầu tiên là kiểm soát lạm phát, Chính phủ đã áp dụng hàng loạt các biện pháp như: Chính sách thắt chặt tiền tệ - kiểm soát tín dụng ngân hàng, giữ vững tỉ giá USD-VND, thu hẹp khoảng cách lãi suất đồng VN và đô la Mỹ; cùng với chính sách tài khóa thu hẹp: giảm đầu tư công, giảm bội chi ngân sách nhằm hạ lạm phát; thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh.

1.2 Ngành nghề KD của công ty

Khó khăn trong việc huy động vốn do việc thắt chặt tín dụng ngân hàng và sự đi xuống của thị trường chứng khoán khiến VFC gặp một số khó khăn nhất định. Tuy nhiên, tình hình xuất nhập khẩu nông sản khá thuận lợi, tạo ra nhiều cơ hội để doanh số khởi trùng phát triển cao nhất từ trước đến nay. Tổng kim ngạch xuất khẩu nông, lâm sản năm 2011 ước xấp xỉ 13,7 tỷ USD và 4,1 tỷ USD, tăng 33,2% và 12,7% so cùng kỳ năm trước (theo báo cáo của Trung tâm Tin học và Thống kê). Sự tăng trưởng vượt bậc về giá trị xuất khẩu phần lớn là do xu hướng tăng giá của các mặt hàng nông lâm thủy sản trên thế giới mặc dù khối lượng xuất khẩu của hầu hết các mặt hàng giảm nhẹ so với năm trước.

Trong năm thời tiết thuận lợi, dịch bệnh ít, kinh doanh nông được không được như mong đợi. Song, đây là cơ hội để công ty mở ra một hướng kinh doanh mới là hạt giống. Đầu năm ngành giống mới hình thành, nhưng qua 9 tháng hoạt động kinh doanh, ngành giống đã thu được

những kết quả rất khả quan vượt 20% kế hoạch năm. Đây là ngành được kỳ vọng có tốc độ phát triển nhanh nhất trong vòng 5 năm tới.

Thị trường bất động sản đi vào giai đoạn đóng băng, kinh doanh cho thuê văn phòng đang gặp khó khăn do lượng cung tăng quá nhanh. Tình hình vẫn chưa mấy sáng sủa trong những năm kế tiếp, tuy nhiên, văn phòng VFC nằm ở vị trí trung tâm thành phố cộng với giá thuê tương đối hợp lý nên có thể duy trì doanh số so với những năm trước.

2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

2.1 Kết quả hoạt động kinh doanh 9 tháng

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	KH 2011	TH 2011	%
1	Tổng doanh thu	1.120,6	1.082,6	96%
2	Lợi nhuận trước thuế	100,8	126,1	126%
3	Thuế TNDN	25,2	31,5	126%
4	Lợi nhuận sau thuế	75,6	94,5	126%
5	Tổng số cổ phần lưu hành	12.692.963	12.692.963	-
6	Thu nhập/1 cp	5.959	7.464	126%
7	Tỷ lệ chia cổ tức	20%	30%	150%

Doanh thu năm nay chỉ bằng 96% so với kế hoạch đề ra do khó khăn chung của ngành tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch 26% đạt 94,5 tỷ đồng. Thuế thu nhập doanh nghiệp đóng vào ngân sách nhà nước 31,5 tỷ đồng, là 1 trong 500 doanh nghiệp nộp thuế nhiều nhất năm 2011.

Nông dược là ngành có đóng góp lớn nhất trong cơ cấu doanh thu, song tình hình kinh doanh nông dược có phần khó khăn do điều kiện thời tiết và sự cạnh tranh khốc liệt trên thị trường. Hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng đồng thời sự cạnh tranh về giá luôn gây áp lực cho VFC trong năm vừa qua. Con số 892 tỷ đồng doanh thu phản ánh phần nào nỗ lực của tập thể lãnh đạo và nhân viên công ty. Tuy chỉ đạt 91% kế hoạch nhưng so với các doanh nghiệp cùng ngành, đây là kết quả rất khả quan.

Khử trùng và giống là 2 nhóm ngành có tốc độ phát triển cao nhất, kết quả doanh thu vượt trên 20% kế hoạch. Cụ thể: doanh thu khử trùng đạt hơn 127 tỷ đồng, doanh thu hạt giống trong chín tháng đi vào hoạt động đạt hơn 14 tỷ đồng.

Pest Control (Kiểm soát dịch hại) đạt kế hoạch doanh thu gần 33 tỷ đồng nhờ Công ty liên tục nâng cấp thiết bị và chất lượng phục vụ. Phương châm kinh doanh bền vững cùng phát triển cộng đồng được khách hàng ủng hộ và tin tưởng sử dụng dịch vụ.

Cho thuê văn phòng luôn đạt công suất sử dụng 100% (ngoài tầng 9 sử dụng làm văn phòng VFC). Cả năm, doanh thu đạt 12,5 tỷ đồng, vượt 10% kế hoạch nhờ 2 lý do: kế hoạch đặt ra sát với tình hình bất động sản thực tiễn và nguồn thu từ dịch vụ gia tăng, chất lượng phục vụ. Đây cũng là nhóm ngành có tỷ suất lợi nhuận biên cao nhất.

Số liệu cụ thể của từng nhóm ngành như sau:

Đơn vị : tỷ đồng

Stt	Ngành nghề	TH Năm 2010 (9 tháng)	TH Năm 2011 (9 tháng)	%
1	Nông dược	977	892,86	91
2	Khử trùng	102,53	127,30	124
3	PestMaster	31,86	32,90	103
4	Giống	12,20	14,68	120
5	Cho thuê văn phòng	11,40	12,54	110
	Tổng doanh thu	1.134,99	1.080,28	95,2

2.2 Thành tựu đạt được

- **Xây dựng và quảng bá thương hiệu:** giới thiệu VFC trên các phương tiện đại chúng, đưa hệ thống nhận dạng thương hiệu, nhãn hiệu vào các sản phẩm nông dược. Triển khai công tác thương hiệu đối với các ngành kinh doanh của công ty.
- **Mở rộng kênh phân phối và nâng cao chất lượng dịch vụ:** VFC đã thành lập 5 chi nhánh mới ở các địa bàn miền Bắc, miền Đông và miền Tây Nam bộ nhằm nâng cao độ phủ thị trường và mở rộng địa bàn kinh doanh. Trên cơ sở đó, số lượng nhân sự của Công ty đã tăng 35% so với đầu năm đạt tổng số là 1.045 người, trong đó ngành kinh doanh nông dược đã tuyển dụng nhiều đại diện thương mại.

- ***Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp:*** Ban TGD đã hợp tác với các tổ chức tư vấn chuyên nghiệp khảo sát, đánh giá công tác quản trị của Ban điều hành và cấp quản trị phòng ban. Khảo sát sự kết nối giữa các phòng ban, chi nhánh. Qua đó công ty có những điều chỉnh cần thiết để công tác quản trị ngày càng hiệu quả hơn. Trong năm, Công ty cũng đã thành lập Ban Kiểm toán nội bộ để tăng cường khâu kiểm tra trong quản lý của các đơn vị trực thuộc công ty. Bên cạnh VFC đang phối hợp rất tích cực cùng với Công ty Lạc Việt xây dựng chương trình quản lý doanh nghiệp toàn diện – ERP. Đến nay khối lượng công việc đã đạt được 70% và dự kiến chương trình này sẽ hoàn thành và đưa vào sử dụng trong năm 2012.
- ***Thành lập Công ty TNHH một thành viên Trọng Tín L.A:*** Đây là Công ty thành viên trực thuộc VFC với chức năng gia công sang chai đóng gói thuốc BVTV nhằm mục đích phát triển kinh doanh, khai thác công suất tối đa. Ngoài ra công ty con còn được hưởng chính sách ưu đãi đầu tư theo quy chế khu công nghiệp.
- ***Hoạt động kinh doanh hạt giống:*** Bộ phận kinh doanh hạt giống đi vào hoạt động từ đầu năm chủ yếu là trên mảng lúa thuần. Từ đầu tháng 8, đối tác Syngenta (Công ty đa quốc gia của Thụy Sĩ là công ty đang dẫn đầu thị phần về thuốc BVTV tại VN) đã chọn VFC làm nhà phân phối độc quyền hai giống bắp lai đã có vị thế trên thị trường. Từ bước ngoặt này, VFC đã tái cấu trúc lại về tổ chức kinh doanh và nguồn nhân lực phù hợp. Bên cạnh đó, nhằm từng bước chủ động vùng nguyên liệu, công ty đã triển khai xây dựng xưởng sơ chế, đóng gói lúa giống ở Mộc Hóa và tiến tới xây dựng thêm cơ sở khác tại An Giang.
- ***Hoạt động khử trùng và PestMaster:*** VFC được AFAS công nhận là thương hiệu mạnh của Việt Nam, đáp ứng được các yêu cầu nghiêm ngặt của cơ quan Kiểm dịch Úc. Qua đó VFC hỗ trợ được nhiều cho các doanh nghiệp xuất nông sản VN đi vào các thị trường khó tính một cách an toàn. Tuy gặp khó khăn vì cạnh tranh nhưng bộ phận khử trùng tăng doanh số nhờ chọn chiến lược chất lượng tốt, giá hợp lý để nhắm vào các khách hàng lớn có khả năng làm ăn lâu dài. VFC-Khử trùng đang áp dụng công nghệ trừ mối exterra có triển vọng phát triển tốt vì giảm phụ thuộc hóa chất. Bộ phận PestMaster cũng có bước đột phá trong đào tạo mời chuyên gia Úc huấn luyện trong nửa tháng về kỹ thuật và kiến thức nghiệp vụ cho các cán bộ nòng cốt làm việc trong lĩnh vực này trên địa bàn cả nước

2.3 Tồn tại

- Tòa nhà số 37 Nguyễn Trung Ngạn, Quận 1, TpHCM vẫn chưa giải quyết xong giấy tờ để làm văn phòng công ty do khâu định giá vẫn còn vướng mắc. Dự kiến thủ tục sẽ hoàn tất trong năm 2012
- Công ty Thương mại Nông Nghiệp Sông Mê Kông ra đời với ý tưởng ban đầu là một siêu thị nông nghiệp có thể cung cấp tất cả nông cụ, nông dược... phục vụ cho nhu cầu nuôi trồng của bà con nông dân. Tuy nhiên, đặc trưng của người nông dân khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long và cả nước nói chung là thu nhập theo mùa vụ do đó việc buôn bán các sản phẩm phục vụ nông nghiệp trong một siêu thị được đầu tư hàng trăm tỷ đồng là không phù hợp. Trước tình hình thất chặt tín dụng của chính phủ, ngân hàng không giải quyết việc vay vốn trung và dài hạn. Doanh nghiệp cần tập trung vốn cho sản xuất và kinh doanh, việc tiếp tục đầu tư cho một dự án dài hơi và thiếu tính khả thi sẽ làm lãng phí nguồn tài nguyên. Do đó trong năm 2012, HĐQT sẽ xúc tiến việc thoái vốn tại đây để tập trung nguồn nhân lực và tài chính cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính.
- Khách sạn Novotel Nha Trang được đưa vào hoạt động và có nguồn thu từ năm 2008 tuy nhiên lợi nhuận lại không được hợp nhất do tranh chấp về tỷ lệ góp vốn trong Công ty TNHH Hải Yến vẫn chưa được giải quyết xong. Vụ việc tiếp tục được Tòa án tỉnh Khánh Hòa – Nha Trang giải quyết. HĐQT sẽ cố gắng hết sức để kết thúc tranh chấp trong năm tới đây.

3. Tình hình tài chính

3.1 Doanh thu – Chi phí – Lợi nhuận

	Đơn vị: đồng		
	9 tháng 2011	2010	%
Doanh thu thuần	1.014.042.372.885	1.042.294.125.336	-3%
Doanh thu tài chính	5.788.503.802	5.512.418.253	5%
Doanh thu khác	234.629.446	843.567.623	-72%
Tổng doanh thu	1.020.065.506.133	1.048.650.111.212	-3%
Chi phí bán hàng	100.064.058.620	67.760.731.061	48%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	36.344.643.617	37.591.915.205	-3%

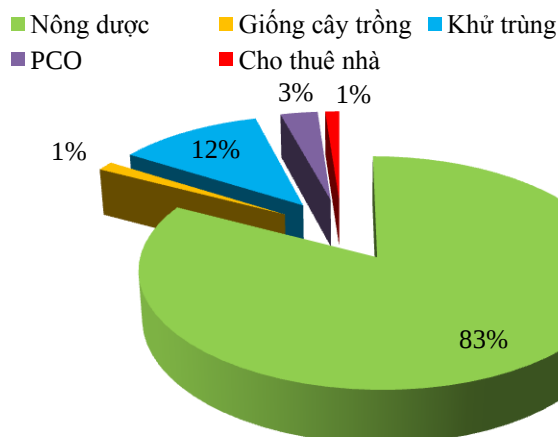
Giá vốn hàng bán	733.089.053.407	788.143.707.503	-7%
Chi phí tài chính	22.796.410.783	27.467.697.910	-17%
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	6.499.663.665	13.531.986.671	-52%
Chi phí khác	1.657.208.212	787.894.711	110%
Chi phí thuế	31.527.333.590	32.305.071.249	-2%
Tổng chi phí	789.070.005.992	848.704.371.373	-7%
Lợi nhuận hoạt động	144.544.617.241	148.797.771.567	-3%
Lợi nhuận tài chính	(17.007.906.981)	(21.955.279.657)	-23%
Lợi nhuận khác	(1.422.578.766)	55.672.912	-2655%
Tổng lợi nhuận gộp	230.995.500.141	199.945.739.839	16%
Lợi nhuận sau thuế	94.586.797.904	94.593.093.573	-

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán đến tháng 09/2011)

Tổng doanh thu năm nay vẫn đảm bảo nguồn thu chính từ hoạt động sản xuất kinh doanh (hơn 99%), phần còn lại từ doanh thu tài chính 5,7 tỷ và doanh thu khác. Doanh thu tài chính năm nay chủ yếu từ 2 nguồn: tiền lãi gửi ngân hàng (hơn 1 tỷ) và chênh lệch tỉ giá hối đoái thực hiện (2,4 tỷ) và chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện (1,6 tỷ). Kết quả này có được nhờ chính sách quản lý ngoại hối hợp lý của nhà nước cùng sự theo dõi chi tiết của công ty khi thực hiện chi trả cho đối tác nước ngoài.

Syngenta (Thụy Sĩ) tiếp tục là nhà cung cấp nông dược lớn nhất cho VFC, chiếm 60% doanh số. Kumiai (Nhật Bản) ở vị trí thứ 2 với gần 20% thị phần. 20% còn lại đến từ các nhà cung cấp khác của Mỹ, Isarel, Nhật,... Bắt đầu từ năm 2011, công ty trở thành nhà cung cấp độc quyền một số giống bắp cho Syngenta, mở ra hướng đi mới cho 2 bên, hứa hẹn việc phát triển cho những loại giống khác trong tương lai.

Doanh thu theo ngành

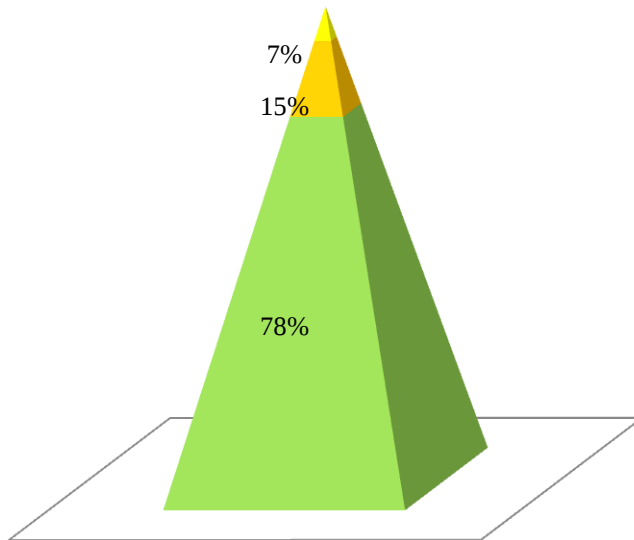


Tỷ lệ đóng góp trong doanh thu của các ngành lần lượt là Nông dược (hơn 80%), Khử trùng (hơn 10%), phần còn lại chia cho nhóm Hạt giống, Kiểm soát dịch hại & Bất động sản đầu tư

Cơ cấu này sẽ có sự dịch chuyển trong thời gian tới, tăng dần tỷ trọng của nhóm hạt giống.

Doanh thu theo khu vực

■ Miền Nam ■ Miền Trung ■ Miền Bắc



Khu vực phía Nam vẫn là trọng điểm đem lại gần 80% doanh thu của công ty. Thành phố Hồ Chí Minh dẫn đầu danh sách với hơn 50% doanh số.

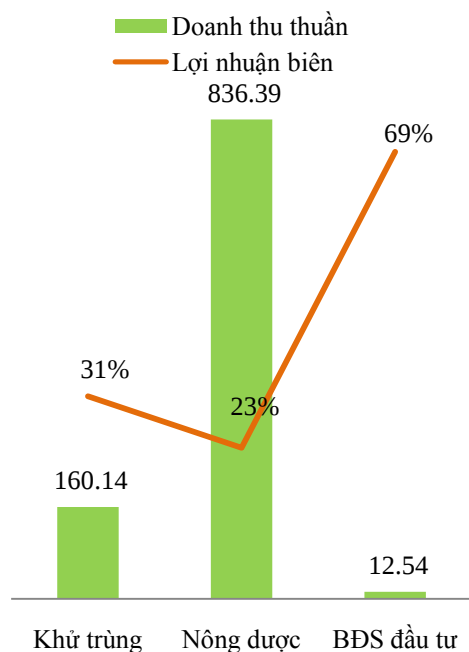
Thị trường miền Bắc với 2 chi nhánh, trong đó có 1 chi nhánh mới mở trong năm cũng đóng góp 7% doanh số cả nước.

Miền Trung tuy mới được đầu tư trong thời gian gần đây nhưng cũng thu về hơn 160 tỷ (mãng nông được) chiếm 15% tổng doanh thu toàn quốc. Thị Trường này sẽ là trọng tâm trong chiến lược phát triển trong thời gian tới

Về chi phí, chi phí lãi vay 6,5 tỷ, chỉ bằng một nửa so với năm ngoái do công ty tận dụng được nguồn vốn tự có, giảm vay ngân hàng. Tình hình kinh doanh nông được khó khăn, để đạt được mục tiêu doanh số, công ty đã tập trung vào công tác quảng bá, marketing, thúc đẩy bán hàng đẩy chi phí bán hàng lên 100 tỷ cao hơn 48% so với cùng kỳ. Bên cạnh đó, chi phí khác phát sinh hơn 1,4 tỷ do xử lý vật tư lâu ngày mất phẩm chất

Xét lợi nhuận hoạt động thì chỉ có hoạt động sản xuất kinh doanh đem lại lợi nhuận dương 144 tỷ (sau khi trừ các chi phí phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, trước thuế). Tổng lợi nhuận gộp 9 tháng đạt 280 tỷ, LNST là 94,5 tỷ bằng kết quả kinh doanh cả năm 2010. Với tình hình tài chính tiền tệ hiện tại sẽ không có nguồn thu từ hoạt động tài chính do công ty phải vay ngắn hạn của ngân hàng để tiếp tục phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính. Hoạt động đầu tư sẽ được lấy từ lợi nhuận giữ lại chưa phân phối. Các khoản đầu tư dài hạn không mang lại hiệu quả sẽ được giải quyết để công ty chủ động hơn về nguồn vốn kinh doanh.

Lợi nhuận biên



Tỷ suất lợi nhuận biên của nhóm nông dược ở mức 23%. Do đầu vào toàn bộ do nhập khẩu từ các nhà cung cấp nước ngoài nên công ty còn bị lệ thuộc vào giá cả, bên cạnh đó, sự cạnh tranh trên thị trường khiến công ty khó tăng giá bán.

Kinh doanh khử trùng bên cạnh giá cả thì chất lượng dịch vụ và phục vụ là yếu tố cơ bản để thành công. Do có giá trị cộng thêm nên ngành này đạt lợi nhuận biên trên 30%.

Lợi nhuận biên gần 70% của bất động sản đầu nhờ vào công tác quản lý tài sản, nhân sự hiệu quả cùng với chính sách cho thuê hợp lý của công ty.

3.1 Các chỉ số tài chính

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán	Đơn vị	09/2011	2010	Chênh lệch
Hệ số thanh toán hiện hành	lần	1,6	1,73	-0,14
Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,96	1,16	-0,2
Hệ số thanh toán tiền mặt (nợ ngắn hạn)	lần	0,1	0,32	-0,22
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số nợ/Tổng tài sản	lần	0,47	0,4	0,07
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	0,89	0,66	0,22
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay tổng tài sản	lần	1,09	1,46	-0,37
Vòng quay TSCĐ	lần	16,17	19,12	-2,96
Vòng quay vốn lưu động	lần	4,33	5,91	-1,59
Vòng quay các khoản phải thu	lần	3,09	5,3	-2,21
Vòng quay các khoản phải trả	lần	4,83	13,73	-8,89
Vòng quay hàng tồn kho	lần	2,93	5,71	-2,79

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Hệ số LN sau thuế/DT thuần	%	9,33%	9,08%	0,25%
Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	19,16%	22,02%	-2,86%
Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản	%	10,16%	13,23%	-3,07%
Hệ số LN từ hoạt động SXKD/DT thuần	%	12,58%	12,17%	0,41%
Chỉ tiêu liên quan đến cổ phần				
Thu nhập trên mỗi cổ phần	VNĐ	7.464	9.704	-2.240
Giá trị sổ sách của cổ phần	VNĐ	38.957	44.062	-5.105
Cổ tức	%	30%	25%	5%

Về khả năng thanh toán:

Hệ số thanh toán hiện hành duy trì >1,5, đảm bảo khả năng trả các khoản nợ ngắn hạn. Hệ số thanh toán nhanh giảm xuống còn 0,96 do hàng tồn kho cuối năm tăng lên đáng kể. Do năm nay kết thúc niên độ vào thời điểm 30/09, giai đoạn công ty tích trữ hàng để bán cho vụ đông xuân.

Về cơ cấu vốn:

Không có khoản vay dài hạn mới phát sinh trong năm, các khoản vay ngắn hạn cũng giảm là lý do cải thiện tỷ lệ nợ trong cơ cấu vốn, tài sản của công ty.

So với năm 2010, vốn điều lệ tăng 29 tỷ do phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ động hiện hữu trong năm.

Về năng lực hoạt động:

Năm nay số ngày thu tiền bình quân dài hơn (khoảng 121 ngày) so với 69 ngày của năm 2010 do năm nay buôn bán khó khăn, các đại lý kéo dài ngày trả tiền hàng cho công ty.

Bù lại, số ngày phải trả cho nhà cung cấp cũng được nâng gấp 3 lần do công ty là đối tác lớn nên được gia tăng hạn mức tín dụng.

Về khả năng sinh lời:

Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA) và tỷ suất sinh lời trên nguồn vốn chủ sở hữu (ROE) lần lượt là 10% và 19%. Mặc dù lợi nhuận sau thuế năm nay có tăng so với năm ngoái nhưng Vốn chủ sở hữu và Tài sản tăng với tỷ trọng cao hơn dẫn đến sự sụt giảm của 2 chỉ số này

Về cổ tức:

Giá trị sổ sách và thu nhập trên mỗi cổ phiếu giảm tương ứng từ 44.000 đồng xuống 39.000 đồng và 10.000 đồng xuống 7.000 đồng. Như đã đề cập ở trên, lợi nhuận có tăng nhưng việc phát hành thêm cổ phiếu thưởng làm pha loãng giá trị của cổ phiếu.

Mặc dù vậy, công ty vẫn thực hiện chi trả cổ tức ở mức cao 30% bằng tiền mặt so với 25% của năm ngoái. Đây là động thái rất tích cực của ban lãnh đạo công ty, phần nào chia sẻ lợi ích và khó khăn cùng cổ đông trong bối cảnh thị trường chứng khoán

4. Những hoạt động chính trong năm

4.1 Đầu tư

Stt	Hạng mục đầu tư	Địa điểm/ Bộ phận	Số lượng	Mức đầu tư	Lộ trình đầu tư	Hình thức đầu tư
I	Đầu tư mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh			37.542.043.000		-
1	Quyền sử dụng đất - Khu CN Thái hòa hd VS 0709011	Long An		25.040.043.000		Vốn tự có
II	Mua sắm phương tiện vận tải			6.251.000.000		-
1	Xe ô tô tải		5	5.000.000.000	Tháng 4/2011	Vốn tự có
2	Xe ô tô bán tải		1	675.000.000	Tháng 2/2011	Vốn tự có
3	Xe máy - pest master		32	576.000.000	Tháng 3/2011	Vốn tự có

4.2 Nghiên cứu, phát triển

- Kết hợp cùng các Cty tư vấn FTA làm các khảo sát về thị trường thuốc nông dược : qua đó , VFC cũng thực hiện được một số chỉ tiêu định vị thị trường và có định hướng tốt hơn cho chiến lược kinh doanh nông dược trong thời gian sắp tới.
- Khảo sát về mức độ tin tưởng của người tiêu dùng về sản phẩm.
- Làm các khảo nghiệm cho một số sản phẩm mới nhằm tăng cường danh mục phân phối thuốc nông dược, đáp ứng đầy đủ nhu cầu người tiêu dùng.

4.3 Marketing

- Tổ chức các buổi hội thảo, hội nghị cho khách hàng cấp I, cấp II với các chủ đề “ Chia sẻ và Kết nối mục tiêu”, “ Lớn mạnh vươn xa”.
- Tổ chức các sự kiện giới thiệu các sản phẩm mới của Công Ty .
- Từng bước xây dựng và củng cố hình ảnh Công Ty VFC ra bên ngoài dưới nhiều hình thức : làm bảng hiệu cho các Đại Lý Cấp I, cung cấp xe máy cho đội ngũ Pest Master với logo VFC, triển khai dán decal logo VFC trên tất cả các phương tiện vận chuyển của Cty VFC.
- Tổ chức các hoạt động thể thao , giao lưu với các Công Ty bạn và tổ chức Hội thao cho anh em nhân viên trong nội bộ Công t y, tổ chức các cuộc thi viết về các giá trị thương hiệu VFC từ đó nâng cao được ý thức của nhân viên về các giá trị thương hiệu mà VFC đang xây dựng.

4.4 Hệ thống phân phối

Hiện tại công ty có 15 chi nhánh, 1 nhà máy sản xuất rải đều toàn quốc. Con số này sẽ được tăng lên cùng với đà phát triển của công ty.

	Trụ sở VFC 29 Tôn Đức Thắng , Q.1 , TP.Hồ Chí Minh Điện thoại : 08 3822 8097 Fax : 08 3910 3627	
Miền Bắc	Chi nhánh Phía Bắc 147 Hồ Đắc Di, Đống Đa, Hà Nội Điện thoại : 04 3857 3272 Fax : 04 3851 5951	Chi Nhánh Sơn La TK 3, TT Hát Lót, Mai Sơn, Sơn La Điện thoại : 0223 745 445 Fax : 0223 745 445
Miền Trung	Chi nhánh Đà Nẵng 292 Đường 2/9 P.Hòa Cường Bắc, Hải Châu, Đà Nẵng Điện thoại : 0511 362 1741 Fax : 0511 362 1742	Chi Nhánh Nghệ An 220 Trần Hưng Đạo, Tp. Vinh, Nghệ An Điện thoại : 0388 688 255 Fax : 0388 688 355
	Chi nhánh Quy Nhơn	Chi nhánh Nha Trang

	263 Trần Hưng Đạo, Quy Nhơn, Bình Định Điện thoại : 056 382 3687 Fax : 056 382 7033	Số 07 Nguyễn Thiện Thuật – P Lộc Thọ - TP Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa Điện thoại : 058 3524423 Fax : 058 3524423
	Chi Nhánh Đà Lạt Lô B10, Nguyễn Hữu Cảnh, Đà Lạt Điện thoại : 063 355 3279 Fax : 063 355 3566	
Miền Nam	Chi Nhánh Đồng Nai 40, khu 6, Ấp Bàu Cá, Trung Hòa, Trảng Bom, Đồng Nai Điện thoại: 0613 678 871 Fax: 0613 678 871	Văn Phòng Bình Dương Số 5/2, Ấp 1B Xã An Phú, Huyện Thuận An, Bình Dương Điện thoại : 0650 371 4627 Fax : 0650 371 4627
	Chi nhánh Cần Thơ Lô 30a3-3 KCN Trà Nóc I, Quận Bình Thủy, Cần Thơ Điện thoại : 0710 382 3890 Fax : 0710 382 8763	Chi nhánh Mộc Hóa 288 Quốc lộ 62, Ấp Cái Cát, Xã Tuyên Thạnh, Huyện Mộc Hóa, Tỉnh Long An Điện thoại : 072 384 3851 Fax : 072 384 3851
	Chi Nhánh Đồng Tháp 154 Lê Duẩn, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp Điện thoại : 0673 877 762 Fax : 0673 877 763	Chi Nhánh Sóc Trăng Ấp An Trạch, Xã An Hiệp , huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng Điện thoại : 0793.832352 Fax :0793.832452
	Chi nhánh An Giang 104 Ấp Hòa Phát I, TT An Châu, Châu Thành, An Giang Điện thoại : 076 365 2133 Fax : 076 365 213	Chi nhánh Kiên Giang 572 Ấp Vĩnh Thành B, Huyện Châu Thành, Kiên Giang Điện thoại : 077 391 9313 Fax : 077 391 9396

5. Định hướng phát triển

5.1 Dự báo nền kinh tế chung

Tình hình kinh tế trong những năm tiếp theo chưa có dấu hiệu khả quan. Lạm phát ở mức cao, tỉ giá ẩn chứa rủi ro, thị trường bất động sản đóng băng, tình hình cho vay vẫn trong tình trạng siết chặt.

Về tình hình xuất khẩu nông lâm thủy sản vẫn được kỳ vọng đạt mức tăng trưởng bình quân 20% trong đó chủ yếu gia tăng về giá trị. Điều này tạo điều kiện cho hoạt động sản xuất kinh doanh của VFC duy trì ổn định

Riêng lĩnh vực hạt giống được kỳ vọng cao nhất đặc biệt là giống bắp đang là lợi thế của Công ty. Theo dự báo của Tổ chức Lương Nông Liên Hiệp Quốc (FAO), sản lượng và nhu cầu tiêu dùng bắp trên toàn thế giới sẽ tăng từ 1,1 tỷ tấn lên 1,3 tỷ tấn. Trong đó hơn 3/4 được sử dụng làm thức ăn chăn nuôi, còn giá bắp thế giới sẽ giao động xung quanh mức cao nhất ngưỡng như năm 2010. Hiện sản lượng bắp Việt Nam chỉ đứng ở mức khoảng 4 triệu tấn trong khi nhu cầu sử dụng cho ngành chăn nuôi lên đến 5,5 triệu tấn. Mỗi năm chúng ta phải mất khoảng nửa tỉ USD để nhập bắp, chủ yếu làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi. Chính vì thế trong thời gian tới, bắp sẽ là loại lương thực có giá trị nhất.

5.2 Kế hoạch HĐKD năm 2012

A/ Kế hoạch kinh doanh :

- Doanh thu thuần	:	1.811 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế	:	175 tỷ đồng
- Thuế TNDN	:	44 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế	:	131 tỷ đồng
- Tỷ lệ chia cổ tức	:	25% / VĐL

Đơn vị: tỷ đồng			
Ngành nghề	Doanh thu TH 2011	Doanh thu KH 2012	%
Nông dược	1.148	1.4	22
Giống cây trồng	14,68	170	158
Khử trùng	137,908	169	22,5
PestMaster	41,495	60	44,6
Cho thuê VP	16	15	(6,25)
Tổng	1.358,08	1.811	33,4

B/ Kế hoạch đầu tư 2012 :

1. Tiếp tục tìm cơ hội kêu gọi đầu tư hoặc chuyển nhượng khu đất Quận 12 .
2. Đang thực hiện quy trình mua bán nhà do Nhà nước sở hữu. Dự kiến kết thúc hồ sơ mua lại nhà 37 Nguyễn Trung Ngạn, Quận 1 trong năm 2012.
3. Hoàn thành thiết kế, đánh giá tác động môi trường để khởi công xây dựng nhà máy và kho chứa thuốc nông dược tại khu công nghiệp Long An trong quý II/năm 2012.
4. Nhận chuyển nhượng kho chứa vật tư và văn phòng làm việc cho cán bộ, công nhân.
5. Tiếp tục đầu tư hoàn thiện hệ thống phần mềm quản lý ERP để kết nối văn phòng công ty với 15 chi nhánh (phần đầu hoàn thành cơ bản đầu quý II/2012).
6. Đầu tư Văn phòng, Nhà máy chế biến giống thóc tại An Giang.

C/ Những việc cần phải làm để đạt được chỉ tiêu theo kế hoạch

- VFC sẽ có những biện pháp cụ thể về tài chính và đầu tư để đạt mức tăng trưởng hàng năm trên doanh số từ 15-20%
- Chiến lược kinh doanh sẽ có những mục tiêu ưu tiên để ứng phó với biến động trên thị trường
- Đẩy mạnh hoạt động SXKD, nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng cường quản trị nội bộ, xây dựng Văn hóa công ty thực sự mạnh và quyết tâm vượt các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra cho năm 2012
- Phát triển, mở rộng lĩnh vực phân phối giống cây trồng.
- Tiếp tục đầu tư ngân sách và phát triển hơn nữa giá trị thương hiệu công ty.

- Mở rộng hệ thống chi nhánh, đồng thời củng cố toàn diện hệ thống đại lý nhằm đưa ra những chính sách bán hàng linh động và nâng cao công tác chăm sóc khách hàng

5.3 Triển vọng dài hạn

Sứ mạng: với sứ mạng phát triển nền nông nghiệp và cải thiện môi trường sống tại Việt Nam, VFC cung cấp các sản phẩm hỗ trợ cây trồng và dịch vụ kiểm soát dịch hại qua việc cung ứng công nghệ tiên tiến của thế giới

Tầm nhìn: Tới năm 2015, VFC sẽ trở thành 1 trong 3 công ty dẫn đầu trong lĩnh vực nông dược và tiếp tục khẳng định vị trí số 1 trong lĩnh vực kiểm soát dịch hại tại Việt Nam qua việc mang các sản phẩm dịch vụ chất lượng cao – công nghệ tiên tiến của thế giới đến với khách hàng.

Nhóm ngành	Mục tiêu đến năm 2015
Nông dược	Thị phần hiện tại trên thị trường là 8%. Mục tiêu phát triển ổn định, tốc độ phát triển từ 20-30%
Khử trùng	Giữ vững vị trí dẫn đầu. Tiếp tục phát triển nhưng tăng trưởng với tốc độ giảm dần 20 – 15%
PCO	Tăng trưởng nhanh từ 40-50%
Giống	Tăng trưởng đột phá trong giai đoạn đầu, chiếm thị phần tương đương hoặc cao hơn khử trùng trong cơ cấu ngành nghề hiện tại.
Cho thuê VP	Duy trì ổn định
Nhân sự	Bình quân mỗi năm tăng 100 nhân viên, tập trung ở đội ngũ kỹ sư có tay nghề, trình độ cao.

III. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

1. Đầu tư vào các công ty có liên quan và công ty con

STT	Bên có liên quan	Mối quan hệ	Tỷ lệ BQ	Vốn đầu tư
1	Công ty TNHH Hải Yến	Công ty liên doanh	(*)	179.514.814.098
2	Công ty CP TM Nông Nghiệp Sông Mê Kông	Công ty liên kết	40%	13.790.000.000
3	Công ty CP Giám định Lửa Việt	Công ty liên kết	35,77%	863.823.695
4	Cty TNHH MTV Trọng Tín Long An	Công ty con	100%	

(*) Công ty CP Khử trùng Việt Nam đã chuyển vốn đầu tư vào Công ty TNHH Hải Yến đến nay là 176.500.000.000 VNĐ, chi phí khác có liên quan đến khoản đầu tư là 3.014.814.098 VNĐ. Do có tranh chấp về tỷ lệ quyền sở hữu giữa Công ty CP Khử trùng Việt Nam và Công ty Thực phẩm và Đầu tư Công nghệ (Công ty XNK Tổng hợp III trước đây) vào Công ty TNHH Hải Yến vẫn chưa được giải quyết xong nên chưa xác định được tỷ lệ cuối cùng. Theo biên bản họp Hội đồng thành viên gần nhất (lần thứ 13), tỷ lệ này lần lượt là 66,67% và 33,33%.

Tuy mới đưa vào hoạt động từ cuối năm 2008 nhưng kết quả kinh doanh khách sạn Novotel – Nha Trang rất khả quan. Công suất sử dụng luôn trên 60%, doanh thu 9 tháng năm 2011 là 63 tỷ đồng, LNST hơn 7 tỷ. Ngoài ra công ty còn áp dụng chế độ khấu hao nhanh tài sản cố định trong vòng 10 năm. Như đã trình bày ở mục 1, tranh chấp trong công ty TNHH Hải Yến vẫn chưa được giải quyết nên chưa thể hợp nhất lợi nhuận của khách sạn vào VFC. Dự kiến, năm 2012 doanh thu và lợi nhuận sẽ tăng 35%.

2. Tóm tắt tình hình hoạt động của công ty do VFC sở hữu 100% vốn

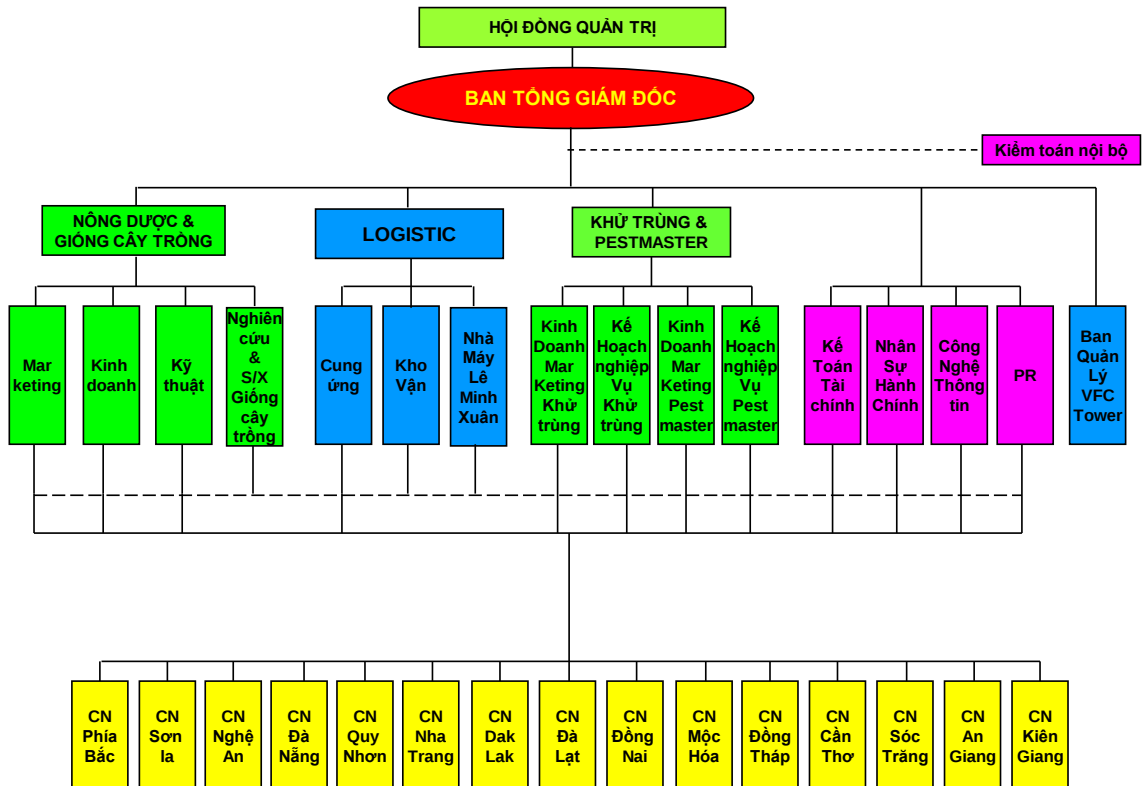
Công ty TNHH MTV Trọng Tín Long An được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1101396991 ngày 26/08/2011. Tại Lô B107, Khu công nghiệp Thái Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Vốn điều lệ 50 tỷ đồng. Ngành nghề kinh doanh chính: sản xuất, sang chai, đóng gói thuốc BVTV

Hiện tại, Công ty CP Khử trùng Việt Nam chưa thực hiện góp vốn vào Công ty con. Dự kiến sẽ bắt tay vào đầu tư xây dựng nhà máy trong năm 2012 và hoàn thành đi vào sản xuất năm 2013. Việc thành lập công ty Trọng Tín không chỉ giúp công ty chủ động trong việc quản lý, tiết kiệm chi phí mà còn góp phần vào công tác quảng bá thương hiệu VFC khi tất cả các sản phẩm phân phối ra thị trường đều được gắn liền logo và khẩu hiệu của công ty.

IV. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ:

1. Cơ cấu tổ chức của Công

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VFC 2012



1. Ban điều hành

Ông Trương Công Cự

Tổng giám đốc – Phó chủ tịch HĐQT

Sinh năm: 1955

Trình độ: kỹ sư kỹ sư nông nghiệp - Đại học Nông nghiệp

Quá trình công tác:

- 1991 – nay: Công ty Khử trùng Việt Nam
- 1990 – 1991: Cán bộ kiểm dịch – Chi cục kiểm dịch thực vật vùng II
- 1981 – 1990: Cán bộ kỹ thuật, TP Kỹ thuật – Công ty Khử trùng Giám định Việt Nam
- 1979 – 1981: Cán bộ kiểm dịch – Chi cục kiểm dịch thực vật vùng II.

Ông Nguyễn Bảo Sơn

Phó Tổng Giám Đốc – TV HĐQT

Sinh năm: 1965

Trình độ: kỹ sư hóa - Trường Đại học Hóa Kỹ thuật Bratislava, Slovakia

Quá trình công tác:

- 05/2009 – nay: Công ty Khử trùng Việt Nam
- 12/2008 – 05/2009: Viện khoa học Việt Nam
- 06/1988 – 12/1988: Phân viện công nghệ hóa dầu

Nguyễn Minh Dũng

Phó Tổng Giám Đốc – TV HĐQT

Sinh năm: 1964

Trình độ: kỹ sư hóa - Trường Đại học Hóa Kỹ thuật Bratislava, Slovakia

Quá trình công tác:

- 1993 – nay: Công ty Khử trùng Việt Nam
- 1990 – 1993: Kỹ sư hóa phân tích – TT phân tích phía Nam, cục BVTV
- 1989 – 1990: Kỹ sư KCS – Công ty Cao su Tân Bình

2. Thay đổi BĐH trong năm

Không có

3. Lương, thưởng BĐH

Tiền lương của Tổng Giám Đốc và các Phó Tổng Giám Đốc thực hiện theo quyết định của HĐQT là 45 triệu đồng/tháng; tiền thưởng hoàn thành kế hoạch được hưởng 6 tháng 01/lần và thưởng/phạt theo mức độ hoàn thành kế hoạch lợi nhuận được giao.

4. Nguồn nhân lực

Từ những ngày đầu còn là các đội khừ trùng với chưa đầy 100 CBCNV nay đã lên hơn 1.000 người (hết năm 2011). Một số phòng ban mới ra đời như Marketing, PR, Công nghệ thông tin, Kiểm soát nội bộ, phòng Tài chính kế toán cũng được đầu tư mở rộng cho phù hợp với sự phát triển của công ty. Do đặc tính ngành nghề hoạt động kinh doanh, số lao động nữ của công ty chỉ chiếm 20%, tỷ lệ này cao hơn ở nhóm văn phòng. Độ tuổi lao động bình quân 30-40 do phần lớn lao động đều có thâm niên công tác lâu năm ở Công ty. Đội ngũ kỹ thuật viên, kỹ sư chiếm số lượng chủ yếu, trình độ ngày càng được nâng cao.

Nội dung	9 tháng 2011	Năm 2010	Năm 2009
Số lượng lao động (người)	985	766	635
Trên đại học	8	4	3
Đại học	245	200	176
Cao đẳng	88	79	103
Trung cấp	334	233	109
Phổ thông trung học	310	238	244
Thu nhập bình quân/người (đồng)	6.700.000	6.300.000	5.600.000

5. Chính sách đối với người lao động

Với phương châm “Nhân viên là tài sản và là người bạn đồng hành trên con đường thành công và phát triển của Doanh nghiệp”, VFC luôn quan tâm đến sự phát triển nguồn nhân lực đặc biệt là những nhân viên giỏi. Mục tiêu trở thành 1 trong 3 công ty dẫn đầu trong lĩnh vực nông dược và tiếp tục khẳng định vị trí số một trong lĩnh vực kiểm soát dịch hại khó có thể trở thành hiện thực nếu thiếu những con người năng động, nhiệt huyết và giỏi nghề. Một chính sách rõ ràng, một chế độ cạnh tranh và công tác quản trị nguồn nhân lực hiệu quả là mục tiêu mà tập thể ban lãnh đạo công ty hướng đến.

- ✓ *Chế độ làm việc:* Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày từ thứ 2 đến thứ 6, từ 8h-12h thứ bảy hàng tuần. Nếu Công ty có yêu cầu người lao động làm thêm giờ thì người lao động sẽ được bố trí nghỉ bù hoặc thanh toán tiền lương và phụ cấp theo quy định của Nhà nước.
- ✓ *Nghỉ phép, lễ, Tết:* Nhân viên được nghỉ lễ và tết 8 ngày theo quy định của Bộ luật lao động và được hưởng nguyên lương. Những nhân viên làm việc từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm. Người lao động có thể nghỉ phép 01 lần trong năm hoặc trải đều các tháng trong năm. Thời gian nghỉ phép năm được kéo dài đến hết quý 01 năm sau.
- ✓ *Nghỉ ốm, thai sản:* Công ty thực hiện đúng các quy định về Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và các quy định hiện hành khác của Nhà nước về nghỉ ốm. Thời gian nghỉ thai sản là 04 tháng theo quy định và được hưởng trợ cấp Bảo hiểm xã hội thay lương. Công ty vẫn thực hiện chi trả lương cho người lao động khi người lao động nghỉ làm việc trong thời gian bị ốm đau, thai sản (nằm ngoài chế độ bảo hiểm do nhà nước chi trả).
- ✓ *Điều kiện làm việc:* Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát. Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt. Công ty cam kết xây dựng cho tất cả CBCNV môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện để CBCNV phát huy hết khả năng và sức sáng tạo của mình.
- ✓ *Đảm bảo việc làm cho người lao động:* Để giải quyết việc làm cho 565 lao động, Ban Tổng Giám đốc công ty đã có những biện pháp như luôn tích cực, chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tiếp cận thị trường, đề ra những biện pháp đổi mới trong sản xuất kinh doanh, tăng cường mối quan hệ với các đơn vị trong và ngoài nước nhằm tìm

các đối tác thích hợp, mở rộng SXKD đảm bảo cho người lao động có việc làm liên tục, ổn định và nâng cao đời sống.

✓ *Chế độ lương và các khoản phụ cấp :*

- Đối tượng : áp dụng cho tất cả bao gồm Ban Tổng Gđ và nhân viên VFC
- Tiền lương : bao gồm lương chức danh và các khoản phụ cấp và lương làm thêm giờ.
 - + Lương chức danh : xác định theo vị trí công việc
 - + Phụ cấp : bao gồm các khoản phụ cấp sau : Cơm trưa, xăng xe, điện thoại di động, độc hại, thuê nhà, giao tế, qua phà-cầu đường (sales – marketing), thâm niên.

✓ *Chế độ thưởng:* Nhằm khuyến khích động viên CBCNV trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp vào kết quả chung, Công ty có chính sách thưởng thiết thực, phúc lợi đảm bảo đầy đủ. Ngoài tiền lương, CBCNV trong Công ty được thưởng thêm tháng lương thứ 13 và được trích khen thưởng từ quỹ lương của Công ty theo năng suất mà người lao động đã đóng góp vào việc hoàn thành kế hoạch năm. Từ năm 2011, công ty xây dựng chương trình cổ phiếu thưởng cho CBCNV giỏi và có công lao đóng góp cho VFC nhằm động viên sự cố gắng của mọi nhân viên đồng thời giữ hiền tài cho sự phát triển lâu dài của công ty.

✓ *Chính sách phúc lợi:*

- *BHXX & BHYT:* Công ty tham gia đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cho tất cả CBCNV theo quy định của Nhà Nước.
- Khám sức khỏe hàng năm: Quản lý cấp cao và trung : khám sức khỏe BV FV; CBNV : khám sức khỏe BV Hoàn Mỹ
- Quà sinh nhật: áp dụng cho toàn thể CBNV Cty
- Du lịch, nghỉ mát hàng năm: tổ chức hàng năm : theo bộ phận
- Nhân viên Công ty khi gặp khó khăn đột xuất, ma chay, hiếu hỉ hay đau ốm, thành hôn ... đều được Công đoàn quan tâm thăm hỏi và giúp đỡ.
- Nghỉ phép, nghỉ Lễ, Tết hằng năm: theo chế độ quy định

✓ *Tổ chức công đoàn:* Công đoàn công ty hoạt động khá hiệu quả tạo điều kiện cho CBCNV Công ty được nâng cao đời sống tinh thần và sức khỏe. Công ty thường xuyên thực hiện khen thưởng cho con CBCNV trong Công ty có thành tích học tập tốt, chi thưởng cho CBCNV vào các dịp lễ Tết, ... Mỗi năm, Công ty kết hợp với Công đoàn tổ chức cho CBCNV tham quan nghỉ mát 1 lần từ 4-5 ngày và không bị trừ ngày phép năm.

- ✓ Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam cam kết các chính sách đối với người lao động trong Công ty là nhất quán và luôn hướng tới người lao động để tạo một đội ngũ nguồn nhân lực được phát triển toàn diện, chuyên nghiệp và gắn bó lâu dài vì mục tiêu chung của Công ty.
- ✓ *Lập quỹ hỗ trợ người lao động*: tạo điều kiện cho người lao động trong những lúc khó khăn đột xuất có điều kiện được vay ưu đãi không phải trả lãi suất.
- ✓ Chính sách tạo nguồn nhân lực:
 - *Tuyển dụng*: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút nhân sự có năng lực vào làm việc tại Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng kinh doanh. Công ty có hệ thống quy chế về tuyển dụng đào tạo rõ ràng. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn riêng. Song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng yêu cầu cơ bản như: trình độ chuyên môn, tốt nghiệp đúng chuyên ngành, khả năng thích ứng công việc, năng động, nhiệt tình, ham học hỏi, có ý thức sáng tạo. Đối với các vị trí quan trọng, các yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe, với các tiêu chuẩn bắt buộc về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích, quản lý và trình độ ngoại ngữ, tin học ... Ngoài lực lượng sẵn có tại đơn vị, Công ty cũng chú trọng bổ sung nguồn nhân lực có chất lượng cao để ngày càng phát triển bộ máy nhân sự đáp ứng kịp thời đòi hỏi của quá trình cạnh tranh và phát triển.
 - *Chính sách thu hút nhân tài*: Công ty có chính sách lương, thưởng xứng đáng với cống hiến chất xám, đặc biệt đối với các nhân viên giỏi và có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân nhân viên lâu dài, mặt khác để thu hút lao động có năng lực từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho Công ty.
 - *Đào tạo*: Công ty coi con người là tài sản quý giá nhất của doanh nghiệp và để phát huy hiệu quả nguồn vốn quý này, Công ty kết hợp chặt chẽ vấn đề đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ và tạo cơ hội phát triển cho nhân viên, luôn tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khoá huấn luyện nội bộ và bên ngoài nhằm đáp ứng yêu cầu công việc hiện tại cũng như trong tương lai của Công ty. Công ty còn thực hiện việc lập quỹ đào tạo để tạo điều kiện cho người lao động học thêm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong và ngoài nước. Năm vừa qua, công ty đã tổ chức 5 chương trình đào tạo tại chỗ và cử 16 người tham gia các khóa học tại các trường, trung tâm đào tạo.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Bạch Tuyết

Chủ tịch HĐQT

Sinh năm: 1942

Trình độ: Kỹ sư nông nghiệp

Quá trình công tác:

- 1985- nay: Công ty CP Khử trùng Việt Nam

- 1976 – 1985: Chi cục phó Chi cục Kiểm dịch thực vật – Cục BVTV Bộ Nông nghiệp

Ông Trương Công Cứ

Tổng giám đốc – Phó chủ tịch HĐQT

Ông Nguyễn Bảo Sơn

Phó Tổng Giám Đốc – TV HĐQT

Nguyễn Minh Dũng

Phó Tổng Giám Đốc – TV HĐQT

Đặng Thanh Cường

Thành viên HĐQT

Sinh năm: 1955

Trình độ: Kỹ sư nông nghiệp

Quá trình công tác:

- 1985 – nay: Công ty cổ phần Nông dược H.A.I

- 1979 – 1985: Chuyên viên – Trung tâm BVTV phía Nam Tiền Giang

Ung Đoàn Hùng

Trưởng BKS

Sinh năm: 1955

Trình độ: Kỹ sư nông nghiệp

Quá trình công tác:

- 2001 – nay: Công ty Khử trùng Việt Nam
- 1997 – 2001: Trưởng phòng Kỹ thuật – Công ty CP Khử trùng Việt Nam
- 1983 – 1997: Sở Nông nghiệp Khánh Hòa

Thái Thị Hồng Châu

Thành viên HĐQT

Sinh năm: 1956

Trình độ: Kỹ sư hóa thực phẩm

Quá trình công tác:

- 03/2000 – nay: TV BKS, TP Nhân sự - Công ty CP Khử trùng Việt Nam
- 11/1994 – 04/2000: Phó phòng Kế hoạch Kinh doanh – Công ty CP Khử trùng VN
- 01/1988 – 10/1994: Chuyên viên phòng Kế hoạch – Công ty chế biến Mì màu
- 07/1981 – 12/1987: Cán bộ kỹ thuật – Tổng công ty Lương thực Miền Nam
- 01/1979 – 06/1981: Cán bộ kỹ thuật – Sở Lương thực Đồng Nai

Võ Thành Phú

Thành viên HĐQT

Sinh năm: 1973

Trình độ: Cử nhân tin học – kế toán

Quá trình công tác:

- 2006 – nay: TV HĐQT, Nhân viên phòng KD Nông dược – Công ty CP Khử trùng Việt Nam
- 2005 – 2006: Kế toán Logistic – Công ty Cyber Home Việt Nam Tp.HCM
- 2001 – 2005: Kế toán bán hàng – Công ty TNHH Hóa nông Hagrochem Bình Dương

2. Hoạt động của HĐQT

2.1 Vai trò của HĐQT

- HĐQT đã tập trung làm việc theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của tập thể, cá nhân thành viên và tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Pháp luật hiện hành.
- Thực hiện kiểm tra, đánh giá KQ hoạt động, xây dựng chiến lược và định hướng kinh doanh từng năm; giữ ổn định sự phát triển của doanh nghiệp trong tình hình kinh tế biến động.
- Các tiểu ban chuyên môn phát huy vai trò, giữ lịch sinh hoạt, báo cáo cho Chủ tịch HĐQT, tham gia nhiều ý kiến mang lại hiệu quả thiết thực.
- Các cuộc họp HĐQT được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ Công ty. Các Biên bản, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đều dựa trên sự thống nhất của các thành viên, được lưu giữ theo đúng quy định.
- Các thành viên trong BTGD hiện tại có 3/5 là thành viên HĐQT; do đó việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, Nghị quyết của ĐHĐCĐ rất đồng bộ, nhanh gọn và có hiệu quả. Đây là một trong những ưu điểm giúp hoạt động quản trị của Công ty linh hoạt hơn, nhất quán hơn và triệt để hơn. Ngoài ra, 02 thành viên HĐQT độc lập (không tham gia điều hành) đã có nhiều ý kiến khách quan, hiệu quả trong các quyết định của HĐQT.

2.2 Hoạt động của HĐQT:

- Trong năm 2011 Hội đồng quản trị đã tập trung chỉ đạo, hỗ trợ và giám sát kịp thời các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc điều hành thông qua việc ban hành các Nghị quyết, quyết định liên quan đến các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh, phê duyệt các quy chế về tái cấu trúc tổ chức nhân sự, lương, thưởng....
- Hỗ trợ Ban điều hành công ty phát huy cao nhất năng lực trí tuệ của tập thể và đội ngũ lãnh đạo tâm huyết vì sự nghiệp phát triển công ty. Đến ngày hôm nay VFC đã có hơn 1000 thành viên đang làm việc trên khắp nẻo đường của đất nước .
- Duy trì các cuộc họp của Hội đồng hàng quý. Các Nghị quyết của HĐQT tạo điều kiện cho Ban điều hành có nhiều thuận lợi trong việc thực hiện các chỉ tiêu năm 2011.

STT	Số NQ	Ngày	Nội dung
01	01/2011/ HĐQT	31/03/2011	- Thống nhất các nội dung tờ trình ĐHĐCĐ thường niên 2011 - Nêu phương hướng xử lý một số vấn đề về các bất động sản của Cty và tiến độ xử lý tranh chấp với liên doanh Hải Yến

02	02/2011/ HĐQT	19/05/2011	Thông qua các nội dung về kết quả kinh doanh 5 tháng đầu năm 2011, tạm ứng cổ tức lần 1/2011, các nội dung liên quan đến hoạt động SXKD 6 tháng cuối năm 2011.
03	03/2011/ HĐQT	25/07/2011	Thông qua một số nội dung về xây dựng nhà máy sản xuất nông được tại Khu CN Thái hòa. Thảo luận và thông qua việc thành lập con ty con trực thuộc VFC.
04	04/2011/ HĐQT	27/09/2011	Thông qua các nội dung về thực hiện kế hoạch SXKD 2011, kế hoạch kiểm toán BCTC 2011, tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2012

- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo thực hiện thành công việc phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn Điều lệ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2011. Cụ thể:
 - Vốn điều lệ ngày 01/01/2011 : 97.584.440.000 VNĐ
 - Tổng số vốn tăng đến 30/09/2011 : 29.243.090.000 VNĐ
 - Đối tượng phát hành : cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10:3
 - Thời gian đã thực hiện : 17/10/2011
 - Hình thức tăng : phát hành cổ phiếu thưởng
 - Vốn điều lệ sau khi tăng : 126.827.530.000 VNĐ
- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và giám sát Ban điều hành trong quá trình triển khai thực hiện việc phát hành 300.000 cổ phiếu thưởng cho người lao động theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2011, bao gồm: (1) xây dựng quy chế ESOP, (2) Xây dựng tiêu chí để lựa chọn và phân phối, (3) Phổ biến nội dung chương trình và hướng dẫn các thành viên tham gia đăng ký chương trình hành động nhằm đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên khi tham gia chương trình. Hồ sơ hiện nay đã hoàn tất , đang thực hiện các bước tiếp theo cho đúng quy định của UBCKNN.

3. Hoạt động của BKS

3.1 Vai trò của BKS

- Xem xét tính phù hợp của các Quyết định của Hội đồng Quản Trị (HĐQT), Ban Tổng Giám đốc (Ban TGD) trong công tác quản lý và điều hành. Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.
- Kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông năm 2011.
- Tham gia các buổi họp theo thư mời của HĐQT, Ban TGD.
- Xem xét các báo cáo và thông báo của HĐQT đến Cổ đông.
- Xem xét các báo cáo tài chính nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của các số liệu và nội dung trên báo cáo.
- Trong năm BKS họp định kỳ 3 tháng/ lần, trao đổi công việc thực hiện và phối hợp hoạt động kiểm tra giám sát giữa các thành viên .

3.2 Kết quả thực hiện việc kiểm tra, giám sát

A/ Đánh giá về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

- Trong năm tài chính 2011 vừa rồi dù chỉ kéo dài trong 9 tháng trong tình hình sản xuất nông nghiệp có ít nhiều thuận lợi (ít dịch hại, xuất khẩu gạo tăng..) nhưng kinh tế trong nước vẫn còn nhiều khó khăn như ngân hàng xiết chặt tín dụng, tỉ giá ngoại hối biến động nhiều tuy vậy hai ngành kinh doanh chính của công ty là kinh doanh nông dược và khử trùng vẫn phát triển khá tốt. Cụ thể ngành nông dược có doanh số nằm trong nhóm 3 công ty hàng đầu, ngành khử trùng đang mở rộng thêm thị phần. Mặt khác ngành kinh doanh hạt giống tuy mới hoạt động nhưng với sự hợp tác của đối tác Syngenta đã mở ra một triển vọng mới gia tăng doanh số nhất là ở địa bàn phía bắc và Tây nguyên.
- Đến hết năm 2011 BKS không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của Công ty. Các quy trình hoạt động tuân thủ theo các yêu cầu của hệ thống kiểm soát và quản trị nội bộ. Chế độ giao ban giữa Ban TGD và các khối kinh doanh vận hành tốt đã giúp phát hiện kịp thời các vấn đề khó khăn và có giải pháp phù hợp với tình hình.

- Trong năm qua công ty đã tuyển thêm nhân viên lên 1045 người tăng 35% so đầu năm đồng thời với việc mở rộng thêm 5 chi nhánh ở hai khu vực phía bắc và phía nam hỗ trợ cho việc phát triển ngành kinh doanh nông dược và hạt giống.
- Công tác quảng bá thương hiệu vẫn được chú trọng cùng với việc nâng cao hiệu quả công việc của các cấp quản lý thông qua việc đánh giá hiệu quả định kỳ.

B/ Đánh giá về báo cáo tài chính và một số kết quả thực hiện trong năm 2011 của Công ty:

Báo cáo tài chính năm 2011 từ ngày 01/01/2011 đến 30/09/2011 được kiểm toán đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính tại thời điểm 30/09/2011 cũng như kết quả kinh doanh trong năm, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt nam hiện hành.

Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu so với kế hoạch như sau:

- o Doanh thu 1.082.589.461.918 đồng, đạt tương đương 95% so với kế hoạch.
- o Lợi nhuận trước thuế 126.114.131.494 đồng, đạt tương đương 125% so với kế hoạch.
- o Lãi cơ bản trên cổ phiếu là 7.464 đồng/ 1 cổ phiếu, đạt tương đương 96% so với kế hoạch.

Doanh thu đạt, lợi nhuận vượt so với kế hoạch cho thấy tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty tăng trưởng và phát triển tốt.

Một số kết quả thực hiện trong năm 2011 như sau:

- o Công ty đã phát hành cổ phiếu thưởng trị giá 29.243.090.000 đồng, nâng vốn đầu tư chủ sở hữu lên 126.827.530.000 đồng. Đang làm thủ tục cổ phiếu thưởng cho cán bộ, công nhân viên trị giá 2.910.860.000 đồng.
- o Công ty trích lập quỹ đầu tư phát triển từ 20% lợi nhuận sau thuế năm 2010 tương đương số tiền là 18.918.618.715 đồng.
- o Công ty trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ 15% lợi nhuận sau thuế năm 2010 tương đương số tiền là 14.188.964.036 đồng.
- o Công ty trích lập quỹ dự phòng tài chính số tiền 396.110.000 đồng từ lợi nhuận sau thuế. Số dư cuối kì là 24.396.110.000 đồng tương ứng 19,2 % vốn điều lệ .
- o Công ty trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ từ 5% lợi nhuận sau thuế năm 2010 tương ứng số tiền là 4.729.654.678 đồng.
- o Công ty đã trả cổ tức năm 2010 số tiền là 24.370.585.000 đồng (3 đợt), từ lợi nhuận sau thuế năm 2010 .

- Công ty đã tạm ứng cổ tức năm 2011 (đợt 1) vào ngày 10/06/2011 số tiền 9.748.234.000 đồng ứng với 10% vốn điều lệ.
- Công ty đã tạm ứng cổ tức năm 2011 (đợt 2) vào ngày 30/12/2011 số tiền 12.682.753.000 đồng ứng với 10% vốn điều lệ.
- Công ty đã trả thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban thư ký số tiền 1.418.896.404 đồng tương ứng 1,5% lợi nhuận sau thuế năm 2010 và tạm ứng 1.200.000.000 đồng trả thù lao cho năm 2011.
- Cổ tức, lợi nhuận từ các nguồn đầu tư là 600 triệu đồng, chi tiết như sau:
 - + Cty CP Nông dược HAI: cổ tức năm 2011 là 600 triệu đồng, tương ứng 20% vốn ĐT.
 - + Cty CP BVTV Sài Gòn: cổ tức năm 2011 chưa được thông báo
 - + Cty CP Giám định Lửa Việt: không có cổ tức năm 2011.
 - + Cty TNHH Hải Yến: hoạt động kinh doanh đã có doanh thu nhưng chưa thống nhất về tỉ lệ góp vốn giữa các đối tác nên chưa chia lãi.

C/ Đánh giá về hoạt động của HĐQT và Ban TGD:

- Đã chỉ đạo Công ty thực hiện nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011.
- Đã quản lý và điều hành Công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011 như: doanh thu đạt 95% so với kế hoạch, lợi nhuận trước thuế tăng 25% so với kế hoạch.
- Hồ sơ mua nhà 37 Nguyễn Trung Ngạn làm văn phòng Công ty đã được UBND Thành Phố phê duyệt, đang chờ Sở Tài chính xem xét và thẩm định giá cho căn nhà.
- Đã chào mời các khách hàng đầu tư hoặc mua lại khu đất quận 12 nhưng hiện nay chỉ có một khách hàng còn quan tâm đến dự án này. Hiện tại khu nhà được làm kho chứa hạt giống.
- Dự án đầu tư Trung tâm Thương mại Mê Kông tại tỉnh Đồng Tháp chưa tiến triển vì công ty đang gặp khó khăn về vốn đầu tư cho dự án này.
- Đã thẩm định thiết kế xây dựng nhà máy gia công thuốc BVTV tại khu công nghiệp Thái Hòa (Long An).
- Dự án ERP (xây dựng giải pháp phần mềm quản lý doanh nghiệp toàn diện) đang triển khai và dự kiến đi vào vận hành thử nghiệm trong quý 1/2012.
- Nhận chuyển nhượng kho vật tư khử trùng tại quận 2.

- Việc tranh chấp với đối tác trong liên doanh Công ty TNHH Hải Yến đã đưa ra tòa nhưng phía Công ty Thực phẩm Công nghệ cao vẫn không đồng ý với kết quả thẩm định giá trị tài sản và tiếp tục chờ kết quả hòa giải của tòa án.
- Đã làm thủ tục mua lại phần góp vốn của Công ty vào Công ty cổ phần giám định Lửa Việt.

D/ Đánh giá về sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban TGD và Cổ đông:

- BKS được cung cấp đầy đủ các thông tin về các quyết định của HĐQT, Ban TGD.
- Trong năm BKS được HĐQT, Ban TGD mời tham dự các cuộc họp liên quan đến các vấn đề về hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của Công ty.
- BKS đã trình bày ý kiến, quan điểm của mình và cũng được HĐQT, Ban TGD ghi nhận, xem xét.
- BKS chưa nhận được sự phản ánh cụ thể nào bằng văn bản của Cổ đông.

3.3 Kiến nghị

Từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và thực hiện nghị quyết của đại hội cổ đông năm 2011, Ban Kiểm soát có những kiến nghị sau:

- Xem xét dự án Công ty đã góp vốn đầu tư vào Công ty CP TM Nông nghiệp Mê Kông tại Đồng Tháp để có phương hướng phù hợp .
- Có phương án giải quyết nhà máy ở Lê minh Xuân sau khi xây dựng nhà máy tại Long An.
- Việc mở rộng hệ thống chi nhánh, tuyển dụng nhân lực trong thời gian tới cần đi đôi với việc phân bổ chỉ tiêu kinh doanh hợp lý và tăng cường kiểm soát nội bộ để hạn chế sự chông lãn thị trường và mang lại hiệu quả công việc.

4. Quản trị rủi ro

Rủi ro	Ảnh hưởng	Quản trị
Rủi ro luật pháp	Là Công ty niêm yết, hoạt động của VFC chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về Công ty cổ phần, Chứng khoán, và thị trường chứng khoán. ➔ Luật và các văn bản dưới luật đang trong giai đoạn hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra ảnh hưởng ít	- Cập nhật các văn bản luật và dưới luật thường xuyên, kịp thời điều chỉnh cho phù hợp. - Thực hiện quyết toán thuế TNDN mỗi năm một lần với cơ quan thuế - Có chuyên viên pháp chế thỏa thuận các hợp đồng và tiến hành rà soát

	nhiều đến hoạt động quản trị và kinh doanh của doanh nghiệp, khi đó sẽ ảnh hưởng đến giá cổ phiếu ➔ Nguy cơ bị kiện tụng, tranh chấp, bồi thường nếu không am hiểu luật pháp và các quy định liên quan.	trước khi ký kết. - Kết hợp với các tổ chức tài chính chuyên nghiệp, am tường về pháp luật tư vấn trong trường hợp cần thiết
Rủi ro kinh tế	Kinh tế vẫn đang trong giai đoạn bất ổn, GDP tăng trưởng với mức thấp (dưới 7%) trong khi lạm phát vẫn ở mức cao đi kèm với chính sách tiền tệ thắt chặt. Giá cả các mặt hàng đều tăng trong khi nhu cầu lại giảm. ➔ Doanh thu công ty bị tác động ➔ Giá thành tăng dẫn đến giá bán tăng, nợ phải thu tăng và hàng tồn kho nhiều.	- Tập trung cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính, không đầu tư tràn lan. - Tăng cường bán hàng theo chiều sâu, tăng cường công tác chăm sóc khách hàng - Tiết kiệm chi phí quản lý
Rủi ro kinh doanh	Hàng xuất khẩu đi những quốc gia như Nhật, Úc, đòi hỏi tiêu chuẩn cao do đó khâu kiểm tra phải đáp ứng nghiêm ngặt chỉ tiêu chất lượng ➔ Rủi ro phải thực hiện lại dịch vụ hoặc bị hủy hợp đồng, ảnh hưởng đến doanh số và tên tuổi của công ty.	- Tăng cường máy móc thiết bị cũng như thuê chuyên gia nước ngoài về đào tạo cho nhân viên công ty - Đăng ký chuẩn với những tổ chức kiểm định có tiếng trên thế giới để có giấy chứng nhận phù hợp với mặt hàng xuất khẩu.
Rủi ro biến động tỷ giá ngoại tệ	Mặt hàng nông dược chủ yếu thông qua nhập khẩu dùng đồng USD và JPY thanh toán nên chịu nhiều ảnh hưởng từ tỉ giá hối đoái. ➔ Khan hiếm ngoại tệ gây khó khăn cho việc nhập khẩu ➔ Chi phí cơ hội khi phải nhập hàng để trữ trong kho ➔ Tỷ giá tăng làm tăng chi phí đầu vào, ảnh hưởng đến lợi nhuận	- Xây dựng mối quan hệ tốt với các ngân hàng (đặc biệt là các ngân hàng nước ngoài, có nguồn ngoại tệ lớn) để được ưu tiên thanh toán trong những giai đoạn khó khăn. - Nhanh chóng hoàn thiện giấy tờ thanh toán khi ký kết hợp đồng nhập khẩu
Rủi ro	Hiện tại VFC chưa sản xuất mà chỉ là nhà	- Khai thác mối quan hệ tốt đẹp với

từ nhà cung cấp	phân phối nên lệ thuộc rất nhiều vào các nhà cung cấp nước ngoài. Sự điều chỉnh giá bất ngờ, giao hàng không đúng thời gian phẩm chất sẽ ảnh hưởng lớn đến công ty. ➔ Nguy cơ bị mất quyền độc quyền phân phối sản phẩm, dẫn đến mất thị phần cạnh tranh ➔ Hàng giao trễ dẫn đến trễ hẹn với khách hàng. Hàng giao thiếu phẩm chất sẽ ảnh hưởng đến uy tín công ty	nhà cung ứng để giữ vai trò phân phối độc quyền sản phẩm trên thị trường - Gia tăng tín dụng hàng năm để chủ động hơn trong việc thanh toán. - Phối hợp giữa các khâu: phòng cung ứng – phòng kinh doanh – phòng tiếp thị - phòng phân phối cho đồng bộ. - Đầu tư cho nghiên cứu, phát triển sản phẩm, giảm sự lệ thuộc - Đầu tư cho việc đóng gói, bao bì để quảng bá thương hiệu VFC.
Rủi ro nợ phải thu khó đòi	Kỳ thu tiền của VFC từ 60-120 ngày tùy thuộc vào khách hàng. Kinh tế khó khăn dẫn đến tăng số ngày thu tiền bình quân ➔ Giảm hiệu quả kinh doanh và vòng quay tiền. ➔ Trích lập dự phòng làm ảnh hưởng đến lợi nhuận	- Có chính sách thu tiền cụ thể hơn - Chủ động trong công tác đòi nợ đi đòi với các hình thức thưởng phạt đối với nhân viên thu tiền và khách hàng trả tiền.

5. Thù lao HĐQT và BKS

Thù lao của HĐQT & BKS được quyết định ở mỗi kỳ họp ĐHĐCĐ. Theo nghị quyết 01/2012, tổng số tiền chi cho HĐQT & BKS là 1,5% LNST tức 1.418.801.969 đồng, mức thù lao của từng thành viên do HĐQT quyết định. Trong năm, tình hình chi trả như sau:

HĐQT : 900 triệu đồng
 BKS : 400 triệu đồng
 Ban Thư ký: 118 triệu đồng

6. Kế hoạch tăng cường hiệu quả quản trị

- Kết hợp với một tổ chức tài chính chuyên nghiệp để được tư vấn về quản trị và tái cấu trúc doanh nghiệp

- Xây dựng các quy chế về quản trị công ty, quản lý tài chính, quản lý nhân sự, quy trình làm việc tại các bộ phận, phòng ban tại VP Công ty và các chi nhánh trực thuộc Công ty.
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy chế, quy trình.
- Tăng cường hiệu quả của hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000
- Tăng cường giám sát hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Chi nhánh và trưởng bộ phận.

VI. VỐN CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG

1. Cổ phần đang lưu hành

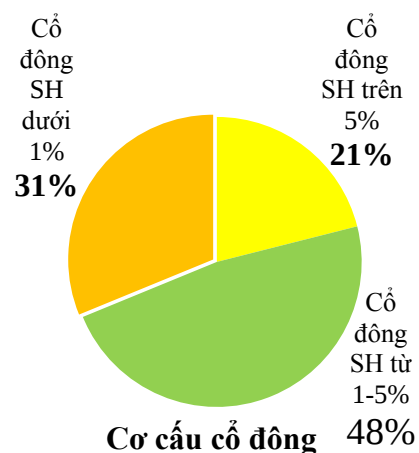
	Đầu năm	Thay đổi	Cuối năm
Cổ phần phổ thông đang lưu hành	9.748.234	2.924.309	12.672.543
Cổ phiếu quỹ	10.210	0	10.210

2. Cơ cấu cổ đông

2.1 Cơ cấu cổ đông

(tính đến 20/12/2011)

		Cá nhân	Tổ chức	Tổng cộng
TRONG NƯỚC	Số CD	500	22	522
	Số CP	8.004.673	3.021.246	11.025.919
NƯỚC NGOÀI	Số CD	7	7	14
	Số CP	13.078	1.633.546	1.646.624
TỔNG	Số CD	507	29	536
	Số CP	8.017.751	4.654.792	12.672.543



2.2 Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5%

Tên cổ đông	Số đăng ký sở hữu	Ngày cấp	Quốc tịch	Cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
Quỹ Tầm nhìn SSI	126/TB-UBCK	14/11/2007	Viet Nam	1.413.181	11.15%
Franklin Templeton Investment Fund	CA2795	12/01/2009	Luxembourg	1.254.289	9.90%

2.3 Danh sách cổ đông nắm giữ từ 1-5%

Tên cổ đông	Số đăng ký SH	Ngày cấp	Quốc tịch	Cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ SH
Nguyễn Văn Hiếu	022775337	19/09/2008	Viet Nam	586.398	4.63%
Nguyễn Quang Huy	211801265	01/12/1999	Viet Nam	573.248	4.52%
Thân Trọng Hoàn Mỹ	022411729	15/07/2003	Viet Nam	569.291	4.49%
Trần Hữu Tuấn	022650694	05/08/2002	Viet Nam	566.779	4.47%
Công ty Cổ Phần Nông Dược HAI	4103003108	07/02/2005	Viet Nam	514.800	4.06%
CTCP Chứng khoán Ngân hàng PT Nhà đồng bằng SCL	40/GCNTV LK-1	10/09/2010	Viet Nam	507.671	4.01%
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	02/GCNTV LK	07/07/2006	Viet Nam	492.717	3.89%
Trương Thị Ngọc Hoa	022337321	14/05/1999	Viet Nam	324.164	2.56%
Nguyễn Quý Thắng	023007160	16/07/2009	Viet Nam	280.800	2.22%
Thân Trọng Hoàn Hương	022411635	17/08/2005	Viet Nam	279.305	2.20%
Vương Công Việt	023776101	04/10/1999	Viet Nam	236.147	1.86%
Đậu Vũ Châu	023001550	31/08/2005	Viet Nam	220.851	1.74%
Nguyễn Ngọc Vân Anh	024616684	08/03/2007	Viet Nam	218.648	1.73%

Nguyễn Văn Long	011785023	30/12/2004	Viet Nam	182.604	1.44%
Mai Thị lan Phương	023307727	20/07/1996	Viet Nam	176.038	1.39%
Kumiai Co.,Ltd	0105-01- 016022	20/06/1949	Japan	171.600	1.35%
Global Link AdVisers Co., ltd	CA3062	16/06/2009	Japan	151.320	1.19%

3. Thay đổi sở hữu của CD nội bộ và CD lớn trong năm

Không có thay đổi về sở hữu của cổ đông nội bộ và cổ đông lớn trong năm.

Cổ đông lớn

Stt	Họ và tên	20/12/2011	17/03/2011	Thay đổi
1	Quỹ Tâm nhìn SSI	1.413.181	916.264	496917
2	Franklin Templeton Investment Fund	1.254.289	778.108	476181

Cổ đông nội bộ

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên HĐQT & BKS trong năm không thay đổi, số lượng cổ phiếu tăng thêm do đợt chia cổ phiếu thưởng với tỉ lệ 10:3 theo nghị quyết 01/2011

Stt	Họ và tên	Chức vụ	20/12/2011	17/03/2011	Thay đổi
1	Nguyễn Bạch Tuyết	Chủ tịch HĐQT	62,990	48,454	14,536
2	Trương Công Cứ	TV HĐQT	101,400	78,000	23,400
3	Nguyễn Minh Dũng	TV HĐQT	101,400	78,000	23,400
4	Nguyễn Bảo Sơn	TV HĐQT	106,080	81,600	24,480
5	Đặng Thanh Cương	TV HĐQT	17,160	13,200	3,960
	HĐQT		389,030	299,254	89,776
7	Ung Đoàn Hùng	Trưởng BKS	68,667	52,821	15,846
8	Thái Thị Hồng Châu	TV BKS	63,559	48,892	14,667
9	Vô Thành Phú	TV BKS	6,778	5,214	1,564
	BKS		139,004	106,927	32,077

4. Hoạt động quan hệ cổ đông (IR)

Trong bối cảnh nền kinh tế nói chung, thị trường chứng khoán nói riêng trở nên khó khăn trong việc cung cấp vốn cho các doanh nghiệp. Tính thanh khoản, giá cổ phiếu tuột dốc không lường trước được, niềm tin của nhà đầu tư trở nên lung lay hơn bao giờ hết. Do đó, công bố thông tin minh bạch, chính xác, trung thực, đầy đủ và kịp thời không chỉ là trách nhiệm của doanh nghiệp đối với nhà đầu tư, mà là trách nhiệm của doanh nghiệp đối với sự phát triển bền vững của chính mình.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác Quan hệ nhà đầu tư, cuối tháng 05/2010 Ban IR chính thức được ra đời gồm 04 thành viên có chuyên môn trong lĩnh vực tài chính và am hiểu hoạt động của Công ty. Do mới đi vào hoạt động nên giai đoạn đầu còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc nhưng VFC luôn cố gắng hết sức để tạo ra nhiều kênh thông tin hiệu quả và thiết thực đến các nhà đầu tư.

Trong năm, Ban IR đã có nhiều đợt đón tiếp các nhà đầu tư tổ chức quan tâm đến VFC. Những ý kiến phản hồi của cổ đông vừa là đòi hỏi vừa là động lực giúp Ban lãnh đạo rất nhiều trong công tác hoạt động, điều hành và quản trị của mình.

Kế hoạch IR năm 2012:

- Kết hợp với một tổ chức tài chính chuyên nghiệp trong lĩnh vực IR để hỗ trợ công tác IR cho công ty.
- Chủ động họp mặt cổ đông lớn, nhà đầu tư thường xuyên hơn.
- Cung cấp thông tin, giải đáp thắc mắc cho các Nhà đầu tư và cổ đông qua gặp gỡ trực tiếp, điện thoại, mail, tài liệu, ấn phẩm.
- Cập nhật liên tục các thông tin cần thiết cho cổ đông trên mục Quan hệ cổ đông trên website công ty
- Hoàn thiện công tác dịch thuật nhằm chuyển ngữ thông tin trên website sang tiếng Anh một cách đồng bộ

VII. HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG

1. Kiểm soát dịch hại vì cộng đồng

- Kiểm soát chuột tại công viên vùng bờ biển Trần Phú, Nha Trang
- Kiểm soát côn trùng và bệnh dịch hại tại Quận Ngũ Hành, Tp.Đà Nẵng
- Ngoài ra, công ty còn tài trợ các chương trình khoa giáo trên các đài phát thanh truyền hình tỉnh Tiền Giang, Long An...để hỗ trợ kiến thức cho bà con trồng trọt và phòng ngừa sâu bệnh như “Chung tay xây dựng ruộng đồng”, “Tìm hiểu màu xanh cây lúa”, “Đồng hành cùng nhà nông”...

2. Trao học bổng cho sinh viên

Tài trợ “Quỹ học bổng VFC” với tổng trị giá 270 triệu cho SV 2 trường ĐH Nông Lâm & ĐH Cần Thơ trong 3 năm 2010-2012. Trong năm 2011, đã tài trợ 29 suất học bổng, tổng giá trị 93 triệu đồng

Các sinh viên có cảnh gia đình khó khăn, hiếu học đã nhận được học bổng từ công ty. Không chỉ hỗ trợ bằng tiền và hiện vật mà những sinh viên này cũng được tạo điều kiện thực tập và làm việc tại công ty sau khi ra trường.



3. Hỗ trợ đồng bào gặp khó khăn

Trong suốt những năm qua, VFC Không chỉ phấn đấu vì mục tiêu phát triển kinh doanh bền vững, mà song song đó VFC còn chú trọng tham gia vào các hoạt động cộng đồng thiết thực, thường xuyên thực hiện các chuyển công tác xã hội, từ thiện đầy ý nghĩa. Đây là một trong những cố gắng của VFC nhằm nâng cao cuộc sống cho cộng đồng, đồng thời tạo nên giá trị nhân văn trong văn hóa doanh nghiệp, góp phần phát triển bền vững thương hiệu VFC.

- Cứu trợ đồng bào miền núi Quảng Bình: cuối tháng 02/2011, tập thể cán bộ công ty đã quyên góp ủng hộ tiền và hiện vật (gạo, mì tôm, bánh kẹo, sách vở và quần áo) cho bà con xã Thượng Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.
- Nhằm kịp thời hỗ trợ và chia sẻ những khó khăn của bà con vùng lũ lụt, thiên tai tại các tỉnh miền trung. đoàn công tác của công ty VFC kết hợp với UBND tỉnh Khánh Hòa, UBND huyện Ninh Hòa và chính quyền địa phương, đến với nhân dân 5 xã thuộc huyện Ninh Hòa 350 phần quà, trị giá mỗi suất 300,000 đồng (bao gồm gạo, nước mắm, bột nêm, đường) đã được trao cho bà con 5 xã Ninh Thượng, Ninh Trung, Ninh Sơn, Ninh Đông, Ninh Quang.



VIII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2011

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam(sau đây gọi tắt là ‘Công ty’) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính từ 01/01/2011 đến

30/09/2011.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tên giao dịch quốc tế Viet Nam Fumigation Joint stock Company, viết tắt là VFC được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước Công ty Khử trùng Việt Nam trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn theo Quyết định số 70/QĐ-TTg ngày 03 tháng 05 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0302327629 đăng ký lần đầu ngày 31/12/2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần 16 ngày 14/10/2011.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 29 Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.

Trong năm Công ty thực hiện việc chia thưởng cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty lên 126.827.530.000 đồng và được chia thành 12.682.753 cổ phần. Số lượng cổ phiếu thưởng được chấp thuận niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh từ ngày 10/10/2011.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói: thuốc bảo vệ thực vật, vật tư bảo vệ thực vật, vật tư khử trùng (không sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói tại trụ sở);
- Cung cấp dịch vụ khử trùng, diệt sinh vật gây hại nông lâm sản và các vật thể khác;
- Mua bán: thuốc bảo vệ thực vật, vật tư bảo vệ thực vật, vật tư khử trùng. Mua bán vật tư, hóa chất phục vụ cho sản xuất nông nghiệp (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Bán buôn phân bón;
- Dịch vụ xử lý, bảo dưỡng, vệ sinh môi trường trong nhà máy, kho tàng, văn phòng cơ quan, các công trình xây dựng. Dịch vụ chống mối mọt. Dịch vụ trừ mối cho các công trình xây dựng - đề đập - khách sạn - nhà hàng;
- Cho thuê văn phòng. Cho thuê kho bãi;
- Giám định hàng hóa: số lượng, chất lượng, quy cách, bao bì, giá trị hàng hóa, tổn thất, an toàn, vệ sinh và các yêu cầu giám định khác. Giám sát thi công và lắp đặt máy móc thiết bị. Tư vấn đầu tư;
- Nhân và chăm sóc giống cây nông nghiệp;
- Bán buôn bắp giống và các loại hạt ngũ cốc khác (trừ lúa, gạo) (thực hiện theo Quyết định 10/2007/QĐ-BTM)

Công ty có 1 Công ty con:

Công ty TNHH MTV Trọng Tín-L.A đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 26/08/2011, trụ sở chính tại Lô B107, Khu công nghiệp Thái Hòa, ấp Tân Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Vốn điều lệ 50.000.000.000 đồng.

Công ty con mới được thành lập chưa phát sinh các hoạt động kinh doanh và không lập báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 30/09/2011. Do đó, Công ty không lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính từ 01/01/2011 đến 30/09/2011

Công ty có các chi nhánh sau:

- | | | |
|----|----------------------|---|
| 1 | Chi nhánh phía Bắc | 147 Hồ Đắc Di, Đống Đa, Hà Nội |
| 2 | Chi nhánh Đà Nẵng | 292 Đường 2/9 P.Hòa Cường Bắc, Hải Châu, Đà Nẵng |
| 3 | Chi nhánh Quy Nhơn | 263 Trần Hưng Đạo, Quy Nhơn, Bình Định |
| 4 | Chi nhánh Nha Trang | 87A Nguyễn Thị Minh Khai, Nha Trang, Khánh Hòa |
| 5 | Chi nhánh Đắk Lắk | 170 Chu văn An, P.Tân An, Tp.Buôn Ma Thuột, Dak Lak |
| 6 | Chi nhánh Cần Thơ | Lô 30a3-3 KCN Trà Nóc I, Quận Bình Thủy, Cần Thơ |
| 7 | Chi nhánh An Giang | 104 Ấp Hòa Phú I, TT An Châu, Châu Thành, An Giang |
| 8 | Chi nhánh Kiên Giang | 572 Ấp Vĩnh Thành B, Huyện Châu Thành, Kiên Giang |
| 9 | Chi nhánh Mộc Hóa | 288 Quốc lộ 62, Ấp Cái Cát, Xã Tuyên Thạnh, Huyện Mộc Hóa, Tỉnh Long An |
| 10 | Chi nhánh Đà Lạt | Lô B10, Nguyễn Hữu Cánh, Đà Lạt |
| 11 | Chi nhánh Nghệ An | 220 Trần Hưng Đạo, phường Đội Cung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An |
| 12 | Chi nhánh Sóc Trăng | ấp An Trạch, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng |
| 13 | Chi nhánh Đồng Tháp | 154 Lê Duẩn, phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp |
| 14 | Chi nhánh Đồng Nai | 40, khu 6 ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai |
| 15 | Chi nhánh Sơn La | Tiểu khu 3, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La |

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi thấy không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị gồm:

Bà :	Nguyễn Bạch Tuyết	Chủ tịch
Ông :	Trương Công Cứ	Phó chủ
Ông :	Đặng Thanh Cương	Thành
Ông :	Nguyễn Bảo Sơn	Thành
Ông :	Nguyễn Minh Dũng	Thành

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc gồm:

Ông :	Trương Công Cứ	Tổng Giám đốc
Ông :	Nguyễn Minh Dũng	Phó Tổng Giám
Ông :	Nguyễn Bảo Sơn	Phó Tổng Giám

Các thành viên của Ban kiểm soát gồm:

Ông :	Ung Đoàn Hùng	Trưởng
Bà :	Thái Thị Hồng Châu	Thành
Ông :	Võ Thành Phú	Thành

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính từ 01/01/2011 đến 30/9/2011.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;

Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;

Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 09 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính từ 01/01/2011 đến 30/09/2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

TP Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2012

TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRƯƠNG CÔNG CỨ

Số : /2011/BC.TC-AASC.KT3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính từ 01/01/2011 đến 30/09/2011
của Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam*

**Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam được lập ngày 26 tháng 12 năm 2011 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 09 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính từ 01/01/2011 đến 30/09/2011 được trình bày từ trang 07 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến nhận xét về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tại ngày 30 tháng 09 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính từ 01/01/2011 đến 30/09/2011, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tuy không đưa ra ý kiến ngoại trừ nhưng chúng tôi lưu ý người đọc về khoản vốn góp vào công ty liên doanh Công ty TNHH Hải Yến được trình bày ở mục V.11 và mục IX.4 trên Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 12 năm 2011

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN
TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN (AASC)**

GIÁM ĐỐC

KIỂM TOÁN VIÊN

BÙI VĂN THẢO
Chứng chỉ KTV số : 0522/KTV

NGUYỄN QUANG HUY
Chứng chỉ KTV số : 1126/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2011

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	30/09/2011 VND	01/01/2011 VND
	TÀI SẢN			
100	A . Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)		626.331.690.663	416.473.981.130
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	40.459.617.739	77.176.601.019
111	1. Tiền		36.459.617.739	77.176.601.019
112	2. Các khoản tương đương tiền		4.000.000.000	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu		328.300.274.259	196.714.987.095
131	1. Phải thu của khách hàng		304.026.114.363	195.628.061.828
132	2. Trả trước cho người bán		24.944.781.612	235.063.160
135	5. Các khoản phải thu khác	V.2	2.027.427.444	1.264.237.211
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(2.698.049.160)	(412.375.104)
140	IV Hàng tồn kho		250.396.053.564	137.954.552.383
141	1. Hàng tồn kho	V.3	250.827.662.168	138.188.420.687
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(431.608.604)	(233.868.304)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		7.175.745.101	4.627.840.633
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.4	1.067.829.830	867.218.416
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		645.138.868	1.199.400.809
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	V.5	5.462.776.403	2.561.221.408
200	B . Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)		304.729.690.479	298.500.296.861
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		62.729.728.479	54.506.705.054
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.6	42.785.267.888	34.923.340.043
222	- Nguyên giá		84.358.599.517	70.374.895.137
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(41.573.331.629)	(35.451.555.094)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.7	17.843.566.058	16.730.769.805
228	- Nguyên giá		19.478.795.539	18.059.821.539
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1.635.229.481)	(1.329.051.734)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.8	2.100.894.533	2.852.595.206
240	III. Bất động sản đầu tư	V.9	37.067.795.538	36.823.033.041
241	- Nguyên giá		42.360.278.761	40.850.086.483
242	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(5.292.483.223)	(4.027.053.442)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		202.246.587.793	206.468.587.793
251	1. Đầu tư vào công ty con	V.10	-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	V.11	194.168.637.793	194.168.637.793
258	3. Đầu tư dài hạn khác	V.12	19.477.190.000	19.477.190.000
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	V.13	(11.399.240.000)	(7.177.240.000)
260	V. Tài sản dài hạn khác		2.685.578.669	701.970.973
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.14	2.431.837.535	586.127.815
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	V.15	160.062.576	-
268	3. Tài sản dài hạn khác	V.16	93.678.558	115.843.158
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)		931.061.381.142	714.974.277.991

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2011

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	30/09/2011 VND	01/01/2011 VND
NGUỒN VỐN				
300	A . Nợ phải trả (300 =310+330)		437.378.866.344	285.448.349.657
310	I. Nợ ngắn hạn		391.896.690.067	240.215.903.446
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	V.17	34.737.086.129	100.147.854.885
312	2. Phải trả cho người bán		209.854.651.632	75.936.507.771
313	3. Người mua trả tiền trước		1.295.676.233	2.247.675.939
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.18	17.738.643.474	18.017.372.891
315	5. Phải trả người lao động		42.846.385.408	12.293.534.972
316	6. Chi phí phải trả	V.19	23.211.955.935	55.528.059
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	V.20	58.621.429.128	28.170.629.446
323	11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	V.21	3.590.862.128	3.346.799.483
330	II. Nợ dài hạn		45.482.176.277	45.232.446.211
333	3. Phải trả dài hạn khác	V.22	42.864.234.235	43.194.775.639
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		2.279.930.951	2.037.670.572
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		338.011.091	-
400	B . Nguồn vốn chủ sở hữu (400=410+430)		493.682.514.798	429.525.928.334
410	I. Nguồn vốn chủ sở hữu	V.23	493.682.514.798	429.525.928.334
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		126.827.530.000	97.584.440.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		70.731.808.592	70.731.808.592
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		(702.100.000)	(702.100.000)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		103.654.132.841	113.978.604.126
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		24.396.110.000	24.000.000.000
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		4.729.654.678	-
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		164.045.378.687	123.933.175.616
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)		931.061.381.142	714.974.277.991
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CĐKT				
		Thuyết minh	30/09/2011	01/01/2011
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		36.899.907.824	
4.	Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		21.116.000	21.116.000
5.	Ngoại tệ các loại			
	USD		39.914,88	255.114,60

Lập ngày 26 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Hiếu

Nguyễn Ngọc Dung

Trương Công Cú

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính từ 01/01/2011 đến 30/09/2011

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 30/09/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/09/2010 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.24	1.082.589.461.918	752.389.970.550
02	2. Các khoản giảm trừ	VI.25	68.547.089.033	11.709.669.440
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.26	1.014.042.372.885	740.680.301.110
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.27	733.089.053.407	557.438.532.896
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		280.953.319.478	183.241.768.214
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.28	5.788.503.802	1.999.917.299
22	7. Chi phí tài chính	VI.29	22.796.410.783	22.189.212.632
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		6.499.663.665	9.879.513.258
24	8. Chi phí bán hàng		100.064.058.620	45.853.418.958
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		36.344.643.617	19.806.820.303
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		127.536.710.260	97.392.233.620
31	11. Thu nhập khác	VI.30	234.629.446	582.771.174
32	12. Chi phí khác	VI.31	1.657.208.212	780.595.694
40	13. Lợi nhuận khác		(1.422.578.766)	(197.824.520)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		126.114.131.494	97.194.409.100
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.32	31.687.396.165	24.658.418.564
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	VI.33	(160.062.575)	
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		94.586.797.904	72.535.990.536
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.34	7.464	5.724

Lập ngày 26 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Hiếu

Nguyễn Ngọc Dung

Trương Công Cứ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính từ 01/01/2011 đến 30/09/2011
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 30/09/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/09/2010 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		982.941.969.808	790.633.432.425
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(819.377.353.514)	(703.856.605.280)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(58.412.065.419)	(33.596.870.902)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(5.578.988.644)	(9.916.828.738)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(28.792.869.758)	(31.132.888.840)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		45.862.624.240	37.455.053.652
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(46.850.917.016)	(54.423.745.866)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		69.792.399.697	(4.838.453.549)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản DH khác		(28.318.538.718)	(16.209.969.558)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác		80.000.000	32.200.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.752.282.437	1.701.880.702
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(26.486.256.281)	(14.475.888.856)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của CSH	VII.35		
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu,			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		280.658.163.168	441.221.636.142
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(346.058.938.864)	(412.986.722.072)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	VII.35	(14.622.351.000)	(16.247.150.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(80.023.126.696)	11.987.764.070
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(36.716.983.280)	(7.326.578.335)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		77.176.601.019	64.419.650.399
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		40.459.617.739	57.093.072.064

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ 01/01/2011 đến 30/09/2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tên giao dịch quốc tế Viet Nam Fumigation Joint stock Company, viết tắt là VFC được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước Công ty Khử trùng Việt Nam trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn theo Quyết định số 70/QĐ-TTg ngày 03 tháng 05 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0302327629 đăng ký lần đầu ngày 31/12/2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần 16 ngày 14/10/2011.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 29 Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.

Trong năm Công ty thực hiện việc chia thưởng cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty lên 126.827.530.000 đồng và được chia thành 12.682.753 cổ phần. Số lượng cổ phiếu thưởng được chấp thuận niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh từ ngày 10/10/2011.

Công ty có 1 Công ty con:

Công ty TNHH MTV Trọng Tín-L.A đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 26/08/2011, trụ sở chính tại Lô B107, Khu công nghiệp Thái Hòa, ấp Tân Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Vốn điều lệ 50.000.000.000 đồng.

Công ty con mới được thành lập chưa phát sinh các hoạt động kinh doanh và không lập báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 30/09/2011. Do đó, Công ty không lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính từ 01/01/2011 đến 30/09/2011

Công ty có các chi nhánh sau:

- | | | |
|----|----------------------|---|
| 1 | Chi nhánh phía Bắc | 147 Hồ Đắc Di, Đống Đa, Hà Nội |
| 2 | Chi nhánh Đà Nẵng | 292 Đường 2/9 P.Hòa Cường Bắc, Hải Châu, Đà Nẵng |
| 3 | Chi nhánh Quy Nhơn | 263 Trần Hưng Đạo, Quy Nhơn, Bình Định |
| 4 | Chi nhánh Nha Trang | 87A Nguyễn Thị Minh Khai, Nha Trang, Khánh Hòa |
| 5 | Chi nhánh Đak Lak | 170 Chu văn An P.Tân An, Tp.Buôn Ma Thuột Dak Lak |
| 6 | Chi nhánh Cần Thơ | Lô 30a3-3 KCN Trà Nóc I, Quận Bình Thủy, Cần Thơ |
| 7 | Chi nhánh An Giang | 104 Ấp Hòa Phú I, TT An Châu, Châu Thành, An Giang |
| 8 | Chi nhánh Kiên Giang | 572 Ấp Vĩnh Thành B, Huyện Châu Thành, Kiên Giang |
| 9 | Chi nhánh Mộc Hóa | 288 Quốc lộ 62, Ấp Cái Cát, Xã Tuyên Thạnh, Huyện Mộc Hóa, Tỉnh Long An |
| 10 | Chi nhánh Đà Lạt | Lô B10, Nguyễn Hữu Cảnh, Đà Lạt |
| 11 | Chi nhánh Nghệ An | 220 Trần Hưng Đạo, phường Đội Cung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An |
| 12 | Chi nhánh Sóc Trăng | ấp An Trạch, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng |

13	Chi nhánh Đồng Tháp	154 Lê Duẩn, phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
14	Chi nhánh Đồng Nai	40, khu 6 ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
15	Chi nhánh Sơn La	Tiểu khu 3, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La
16	Văn Phòng Bình Dương	5/2 Ấp 1B Xã An Phú, Huyện Thuận An, Bình Dương

Lĩnh vực kinh doanh

Khử trùng, giám định, thương mại, cho thuê văn phòng

Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói: thuốc bảo vệ thực vật, vật tư bảo vệ thực vật, vật tư khử trùng (không sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói tại trụ sở);
- Cung cấp dịch vụ khử trùng, diệt sinh vật gây hại nông lâm sản và các vật thể khác;
- Mua bán: thuốc bảo vệ thực vật, vật tư bảo vệ thực vật, vật tư khử trùng. Mua bán vật tư, hóa chất phục vụ cho sản xuất nông nghiệp (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Bán buôn phân bón;
- Dịch vụ xử lý, bảo dưỡng, vệ sinh môi trường trong nhà máy, kho tàng, văn phòng cơ quan, các công trình xây dựng. Dịch vụ chống mối mọt. Dịch vụ trừ mối cho các công trình xây dựng - đề đập - khách sạn - nhà hàng;
- Cho thuê văn phòng. Cho thuê kho bãi;
- Giám định hàng hóa: số lượng, chất lượng, quy cách, bao bì, giá trị hàng hóa, tổn thất, an toàn, vệ sinh và các yêu cầu giám định khác. Giám sát thi công và lắp đặt máy móc thiết bị. Tư vấn đầu tư;
- Nhân và chăm sóc giống cây nông nghiệp;
- Bán buôn bắp giống và các loại hạt ngũ cốc khác (trừ lúa, gạo) (thực hiện theo Quyết định 10/2007/QĐ-BTM)

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/10 năm trước và kết thúc vào ngày 30/09 năm sau.

Năm tài chính đầu tiên sau khi thay đổi kỳ kế toán: từ 01/01/2011 đến 30/09/2011.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của từng khoản nợ hoặc mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra đối với từng khoản nợ phải thu.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ được thực hiện theo phương pháp khấu hao đường thẳng: Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT - BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

12. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Chi phí đi vay trong kỳ là giá trị thuần của các khoản chi phí đi vay phải trả sau khi giảm trừ hỗ trợ lãi suất sau đầu tư từ Ngân hàng phát triển Việt Nam.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm

16. Phân phối lợi nhuận

Theo điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam, lợi nhuận sau thuế của Công ty thuộc sở hữu của cổ đông được phân phối như sau:

Trích quỹ dự trữ tài chính ít nhất bằng 10% lợi nhuận sau thuế và được trích cho đến khi bằng 25% vốn điều lệ;

Các quỹ khen thưởng, quỹ đầu tư phát triển do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định trong đó quỹ đầu tư phát triển ít nhất bằng 20% lợi nhuận sau thuế, quỹ khen thưởng phúc lợi bằng 20% lợi nhuận sau thuế

Lợi nhuận còn lại do Hội đồng quản trị xây dựng quy chế phân phối để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định cho từng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động

18. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh doanh khác.